

## Danh sách các cơ quan gửi xin ý kiến

### Dự thảo Luật sửa đổi Luật ĐƯQT ngày 13/02/2015

Tính đến ngày 26/5/2015: 23/34 cơ quan-đã trả lời.

	Tên cơ quan	Đã gửi CV góp ý
1.	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
2.	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x
3.	Bộ Công an	
4.	Bộ Công Thương	x
5.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
6.	Bộ Giao thông vận tải	
7.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x
8.	Bộ Khoa học và Công nghệ	x
9.	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	x
10.	Bộ Nội vụ	x
11.	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	x
12.	Bộ Quốc phòng	x
13.	Bộ Tài chính	x
14.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
15.	Bộ Thông tin và Truyền thông	x
16.	Bộ Tư pháp	x
17.	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	
18.	Bộ Xây dựng	x
19.	Bộ Y tế	x
20.	Đài Tiếng nói Việt Nam	
21.	Đài Truyền hình Việt Nam	
22.	Học viện Chính trị Hồ Chí Minh	x
23.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	x
24.	Thanh tra Chính phủ	x
25.	Thông tấn xã Việt Nam	x
26.	Tòa án Nhân dân tối cao	
27.	Ủy ban Dân tộc	x
28.	Văn phòng Chính phủ	
29.	Văn phòng Chủ tịch nước	x
30.	Văn phòng Quốc hội	x
31.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
32.	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	x
33.	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	x
34.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	x

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 657 /BHXH-PC  
V/v góp ý Dự thảo  
Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

BỘ NGOẠI GIAO	
Số:.....	6398
ĐẾN Ngày:.....	9/3/15
Chuyên:.....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

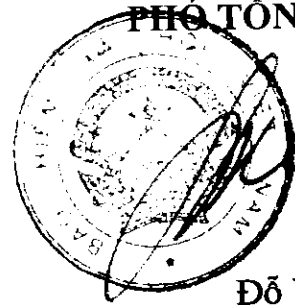
Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của Bộ Ngoại giao gửi lấy ý kiến về Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với các nội dung trong Dự thảo nêu trên.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp. /.

K/c:  
LPQT (9/6)  
ke  
V.107/3/15  
H.

- Nơi nhận:
- Như trên;
  - Tổng Giám đốc (để b/c);
  - Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

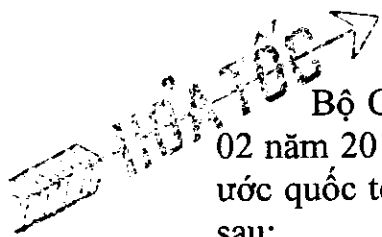
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2583 /BCT- PC

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2015

V/v góp ý kiến đối với Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế) ✓



Bộ Công Thương nhận được văn bản số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Bộ Ngoại giao về việc góp ý kiến đối với Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Công Thương đã nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến như sau:

Đề nghị chọn phương án 1 tại Điều 1 và phương án 2 tại các Điều 19, Điều 28, Điều 29, Điều 41 và Khoản 3 Điều 62 để nội dung các quy định được bao quát và đầy đủ hơn. Tại điểm a khoản 1 Điều 62 đề nghị chọn phương án 1, vì điều ước quốc tế do Quốc hội quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập đã bao gồm ý kiến bổ sung tại phương án 2 như quy định tại khoản 3 và 4 Điều 28, khoản 1 Điều 29 và điểm c khoản 1 Điều 41.

Tại khoản 4 Điều 2, đề nghị bổ sung cụm từ "*hoặc được ủy quyền*", cụ thể: "*Ký kết là những hành vi pháp lý do người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được ủy quyền thực hiện, bao gồm đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế hoặc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế*".

Tại khoản 1 Điều 7, quy định như tại Luật cũ về việc trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và Điều ước quốc tế (ĐUQT) có quy định "*khác nhau*" về cùng một vấn đề là không hợp lý và gây ra nhiều vấn đề trong quá trình thực thi các ĐUQT trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. Ví dụ như cam kết dịch vụ của ta trong WTO có thể thấp hơn (tức là "khác") mức tự do hóa ta áp dụng theo pháp luật trong nước, nhưng trong trường hợp này nên áp dụng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật trong nước và đây cũng là cách các nước khác áp dụng. Do vậy, đề nghị sửa đoạn 1 này theo hướng không được ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với các ĐUQT ta đã phê chuẩn/tham gia. Trong trường hợp văn bản quy phạm cũ đã ban hành trước đây trái với ĐUQT mà ta phê chuẩn/tham gia thì cần sửa đổi văn bản này hoặc áp dụng trực tiếp các quy định của ĐUQT với điều kiện điều này được nói rõ khi phê chuẩn ĐUQT.

Tại Điều 14, đề nghị bỏ nội dung 7, 8, 9, 10 vì tại thời điểm đề xuất ký kết điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất có thể chưa hình dung được rõ mức độ cam kết cuối cùng. Do vậy, việc đưa các nội dung 7, 8, 9, 10 vào Tờ trình đề xuất ký kết điều ước quốc tế là khó khả thi.

Tại khoản 1 Điều 15, đề nghị dùng cụm từ “*dự thảo điều ước quốc tế*” thay vì “*văn bản điều ước quốc tế*”.

Tại khoản 1 Điều 17, đề nghị viết rõ như khoản 1 Điều 19 cho thống nhất, cụ thể: “*Văn bản đề nghị kiểm tra, trong đó đánh giá.....thực hiện điều ước quốc tế*”

Tại khoản 2 Điều 18, đề nghị bổ sung điểm đ) Sự cần thiết phê duyệt hoặc phê chuẩn ĐUQT.

Tại khoản 1 Điều 19, đề nghị sửa đổi thành: “*Văn bản đề nghị thẩm định, trong đó đề nghị Bộ Tư pháp đánh giá tính hợp hiến, mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật...*” bởi vì đây là những nội dung thuộc chuyên môn của Bộ Tư pháp và các cơ quan soạn thảo văn bản đề nghị thẩm định không đủ chuyên môn đánh giá những vấn đề này.

Tại khoản 3 Điều 19, đề nghị chuyển thành “*Dự thảo văn bản điều ước quốc tế*” cho thống nhất với Khoản 3 Điều 17.

- Đề nghị giữ lại Điều 20 Luật ĐUQT 2005 về Trình tự, thủ tục thẩm định Điều ước quốc tế. Việc giữ lại Điều này giúp xác định rõ cơ quan có trách nhiệm phải gửi hồ sơ thẩm định tới Bộ Tư pháp. Nếu bỏ Điều này thì có thể gây ra một số hiểu lầm. Tuy nhiên, có thể bỏ thời hạn trình hồ sơ thẩm định.

Tại Điều 20 Dự thảo mới về Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm, đề nghị xem xét phần lời văn nhằm thể hiện rõ Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm không phải là quy định bắt buộc, mà các giấy này chỉ cấp khi có yêu cầu của phía nước ngoài.

Tại khoản 3 Điều 20, đề nghị sửa đổi như sau: “*Trưởng đoàn đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ phải được Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ ủy quyền bằng văn bản*”.

Tại khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 24, đề nghị xóa cụm từ “*và văn bản*”.

Tại khoản 1 Điều 25, đề nghị sửa đổi như sau: “*Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản chính điều ước quốc tế hoặc bản sao được chứng thực, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, bản ghi điện tử nội dung điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài và giấy ủy quyền của phía nước ngoài hoặc bằng chứng về việc đại diện phía nước ngoài có đủ thẩm quyền ký kết để hoàn thành thủ tục về điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày điều ước quốc tế hai bên được ký ở trong nước hoặc kể từ ngày đoàn đàm phán ký điều ước quốc tế ở nước ngoài về nước*”.

Tại Điều 37, đề nghị gộp khoản 1 và khoản 3 thành một Điều như sau: “*Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải phê duyệt, hoặc Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ*”.

Tại khoản 1 Điều 41, đề nghị giữ nguyên khoản 1 Điều 50 Luật 2005 trong dự thảo mới vì nhiều ĐUQT được đàm phán nhân danh Chính phủ yêu cầu ta sửa đổi, ban hành, bổ sung luật trong nước. Cho nên, trong những trường hợp này không cần trình Quốc hội để xin gia nhập mà chỉ trình Quốc hội để phê chuẩn.

Tại khoản 2 Điều 55, đề nghị sửa thành: “Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản chính hoặc bản sao được chứng thực và bản dịch bằng tiếng Việt của điều ước quốc tế, giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế của phía nước ngoài (nếu có) theo thời hạn quy định tại Điều 25 của Luật này.”

Tại khoản 5 Điều 75, đề nghị bổ sung cụm từ “và thông báo cho các cơ quan trong nước có liên quan”.

Đề nghị giữ nguyên Điều 85 đến 92 Luật 2005, vì đây là các quy định tiêu chuẩn của các ĐUQT mà ta tham gia và những Điều này phù hợp với thông lệ quốc tế. Thêm vào đó, mặc dù các Điều này xưa nay chưa từng được áp dụng, nhưng trong tương lai vẫn có thể áp dụng.

Tại Mục 3; Chương II đề nghị quy định rõ thời hạn kiểm tra và thẩm định điều ước quốc tế.

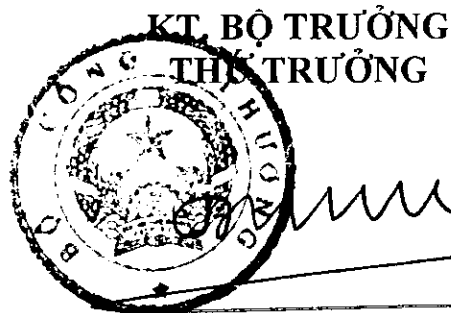
Đề nghị không chuyển Điều 8 về nội dung quản lý nhà nước về ĐUQT ở Chương I vào Chương X do cần có phần “Quy định chung” làm rõ chức năng quản lý nhà nước về điều ước quốc tế nói chung tại Chương I, trong khi Chương X sẽ quy định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cá nhân trong công tác ĐUQT.

Đối với các quy định về thời hạn, đề nghị bổ sung cụm từ “*làm việc*”, ví dụ tại Điều 1 Khoản 25: “trong thời hạn mười ngày làm việc” thay vì “trong thời hạn mười ngày”.

Bộ Công Thương gửi Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế) tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.



**Đỗ Thắng Hải**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1539 /BKHDĐT-PC

V/v góp ý dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

BỘ NGOẠI GIAO	
Số: 8240	Ngày: 23/3/15
<b>ĐẾN</b>	
Chuyên:.....	

K/c

- LPQT (gđ)  
- PCICF  
- KTDĐ  
- APEC  
- CNV  
- HVN2  
- VP  
- VC  
0, 23/3/15  
M

Theo đề nghị của Bộ Ngoại giao tại công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/02/2015 về dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh:

Điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi quy định quyền, nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước và Chính phủ Việt Nam với các nhà tài trợ song phương và đa phương. Do đó, phạm vi điều chỉnh của Luật này phải bao gồm các điều ước quốc tế nêu trên.

## 2. Nguyên tắc ký kết, gia nhập điều ước quốc tế (Điều 3):

Khoản 4: Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của quy định “Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ không được trái với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước”.

## 3. Danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế (Điều 4):

Điểm d, khoản 1 quy định điều ước quốc tế liên quan đến tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng là điều ước được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước. Để bảo đảm tính khả thi của quy định này, đề nghị quy định tiêu chí cụ thể để xác định tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng.

## 4. Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế (Điều 11):

- Theo điểm a, khoản 1, hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế cần có tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ nội dung chính của điều ước quốc tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn đề xuất đàm phán, nhiều trường hợp chưa thể xác định nội dung chính của điều ước quốc tế. Do đó, đề nghị không đưa yêu cầu về việc nêu nội dung chính của điều ước quốc tế trong tờ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế.

- Khoản 2: Đề nghị xác định rõ Tờ trình đề xuất đàm phán điều ước quốc tế là trình Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

5. Nội dung tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế (Điều 14):

- Khoản 7 quy định nội dung tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế phải có đánh giá sự phù hợp về nội dung của điều ước quốc tế đó với điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, các điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên không nhất thiết có nội dung giống nhau. Vì vậy, đề nghị cân nhắc sự cần thiết của quy định này.

- Đề nghị sửa lại khoản 9 như sau: “Kiến nghị bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên (nếu có)”;

6. Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế (Điều 15):

Đề nghị làm rõ sự khác nhau của 2 trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này và cơ quan nhận Tờ trình tại khoản 1 Điều này.

7. Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế (Điều 17):

Khoản 1 quy định hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế gửi Bộ Ngoại giao phải có văn bản đề nghị kiểm tra, trong đó có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này, bao gồm các nội dung được Bộ Tư pháp thẩm định trong quá trình thẩm định điều ước quốc tế. Việc Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp thực hiện thẩm định và kiểm tra cùng một nội dung dẫn đến trùng lặp về thẩm quyền và tăng thủ tục hành chính. Ngoài ra, các nội dung kiểm tra đã được quy định tại khoản 2 Điều 16. Vì vậy, đề nghị bỏ nội dung của văn bản đề nghị kiểm tra tại khoản 1 Điều 17.

8. Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm (Điều 20 và Điều 21):

Khoản 3 Điều 20 quy định: “Trưởng đoàn đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ phải được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền bằng văn bản”. Đề nghị làm rõ quy định này có yêu cầu Chính phủ ủy quyền cho Trưởng đoàn đàm phán trong từng phiên đàm phán hay không và cân nhắc sự cần thiết của quy định này. Ngoài ra, đề nghị làm rõ loại điều ước quốc tế mà người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài không cần Giấy ủy quyền để đàm phán, thông qua văn bản điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước tiếp nhận (khoản 3 Điều 21).

9. Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế:

- Điều 22: Đề nghị sửa lại như sau: “Trước khi tiến hành ký tắt điều ước quốc tế, ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất **chủ trì**, phối hợp với Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước hữu quan rà soát, đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản tiếng nước ngoài để bảo đảm chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức”.

- Khoản 2 Điều 24: Đề nghị sửa lại như sau: “Bộ Ngoại giao chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan đề xuất rà soát, đối chiếu văn bản cuối cùng của điều ước quốc tế”.

10. Về việc bổ sung pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội tại các điều 28, 29 và 41: Nhất trí với phương án 2.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề quý Bộ tổng hợp././18

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Kinh tế đối ngoại;
- Lưu VT, PC.

T4

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



★ Nguyễn Chí Dũng



## BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 648 /BKHCN-PC

V/v góp ý dự thảo Luật Điều ước quốc tế  
(sửa đổi)

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 7406.....  
ĐẾN Ngày: 16/3/15...  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/02/2015 của Bộ Ngoại giao về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế, sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

**1. Về việc sửa lại tên Luật và căn cứ ban hành**

Đồng ý với việc sửa lại tên Luật để bảo đảm tính khái quát cao và dễ tra cứu, dẫn chiếu.

Theo quy định về phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1, thì Luật này quy định toàn bộ các vấn đề liên quan đến điều ước quốc tế (ĐƯQT), đó là việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT. Tuy nhiên, phần căn cứ ban hành lại quy định "*Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế*". Do vậy, để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của quy định, đề nghị sửa lại nội dung đoạn 2 phần căn cứ ban hành như sau cho phù hợp hơn: "*Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến điều ước quốc tế*".

**2. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật (Điều 1)**

Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí theo Phương án 2 vì ĐƯQT về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài đều làm phát sinh thay đổi quyền, nghĩa vụ của Việt Nam. Do đó, Luật Điều ước quốc tế cần điều chỉnh toàn diện về phạm vi. Trường hợp ĐƯQT về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài có những điểm khác biệt, đề nghị tại dự thảo Luật có Chương, điều, khoản riêng quy định cụ thể về việc khác biệt đó nhằm phù hợp với thực tiễn triển khai.

**3. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)**

- Khoản 6, đề nghị bổ sung "*Ký tắt chưa làm phát sinh hiệu lực của điều ước quốc tế*".

**4. Về danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế (Điều 4)**

Đề nghị xem xét lại việc bổ sung cụm từ "*trực tiếp điều chỉnh*" (điểm c Khoản 1) với giải trình nhằm làm rõ khái niệm ĐƯQT về quyền con người

(Khoản 14 Điều 70 Hiến pháp 2013), vì việc bổ sung cụm từ này sẽ thu hẹp phạm vi quyền của Chủ tịch nước đối với những trường hợp các ĐUQT không trực tiếp điều chỉnh quyền con người nhưng vẫn liên quan đến quyền con người.

#### **5. Về ngôn ngữ, hình thức của Điều ước quốc tế (Điều 6)**

- Khoản 1, đề nghị bổ sung cụm từ “*giữa Việt Nam và nước ngoài*” vào trước cụm từ “*hai bên*”, viết lại thành “*Điều ước quốc tế hai bên giữa Việt Nam và nước ngoài phải có văn bản... giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài*”.

- Khoản 2, đề nghị sửa thành “*Trong trường hợp điều ước chỉ được ký kết bằng tiếng nước ngoài thì trong hồ sơ đề xuất ký kết, gia nhập phải có bản dịch bằng tiếng Việt của điều ước quốc tế đó và cam kết các nội dung trong bản dịch không sai lệch với các nội dung trong bản gốc bằng tiếng nước ngoài*”.

#### **6. Về quản lý Nhà nước về điều ước quốc tế (Điều 8)**

Đề nghị làm rõ việc thống kê, rà soát ĐUQT tại Điểm e Khoản 1 là toàn bộ các ĐUQT hay chỉ những ĐUQT mà Việt Nam là thành viên vì tại Điều 75 về trách nhiệm của Bộ Ngoại giao quy định nội dung: “*Thống kê, rà soát điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập*”. Vì vậy, đề nghị thống nhất nội dung của hai quy định này.

#### **7. Về trách nhiệm của cơ quan đề xuất đàm phán điều ước quốc tế (Điều 9)**

Tại Khoản 2, đề nghị làm rõ việc có phải chỉ đối với những ĐUQT liên quan đến lĩnh vực hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia thì Bộ Ngoại giao mới đề xuất trình Chính phủ vì tại Khoản 1 Điều 4 thì ĐUQT nhân danh Nhà nước còn bao gồm lĩnh vực quan trọng khác như chiến tranh, quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa cho phù hợp.

#### **8. Về hồ sơ trình ký điều ước quốc tế (Điều 15)**

Các tài liệu quy định tại Khoản 2 đều phải đính kèm vào hồ sơ trình Chính phủ về việc ký ĐUQT ngoài các tài liệu quy định tại Khoản 1, vì vậy, đề nghị thiết kế lại Điều 15 theo hướng liệt kê tất cả các tài liệu cần thiết trong hồ sơ trình chứ không chia làm hai khoản như hiện nay để dễ dàng áp dụng quy định này sau khi Luật có hiệu lực.

#### **9. Về hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế (Điều 19)**

- Đề nghị bỏ từ “*đàm phán*” trong “*đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế*” tại Khoản 2.

- Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí bổ sung quy định theo phương án 2 “Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là ba bộ” theo ý kiến của Bộ Tư pháp, đồng thời tại một số điều khác của Dự thảo Luật cũng cần bổ sung quy định cụ thể về số lượng bộ hồ sơ để thống nhất thực hiện tại các Điều 33, 35, 43 và Điều 51.

#### **10. Về ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế (Điều 20 và Điều 21)**

Đề nghị quy định rõ hơn loại hội nghị quốc tế phải có giấy ủy quyền, ủy nhiệm khi tham dự hội nghị, tránh hiểu nhầm tất cả các loại hội nghị quốc tế đều phải thực hiện quy định của Luật này.

#### **11. Về các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn (Điều 28)**

Tại Khoản 3, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 (bổ sung việc cần phải phê chuẩn đối với các ĐUQT trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH), vì cho đến nay, một số pháp lệnh vẫn là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh một số lĩnh vực liên quan.

Tương tự như vậy, để đảm bảo sự chặt chẽ và đầy đủ của quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí lựa chọn phương án 2 trong các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều 29, Điểm c Khoản 1 Điều 41, Điểm a Khoản 1 và Điểm d Khoản 3 Điều 62 của Dự thảo Luật.

#### **12. Về quyết định phê duyệt điều ước quốc tế và hồ sơ trình phê duyệt điều ước quốc tế (Điều 38 và Điều 39)**

- Đề nghị làm rõ nội dung của Quyết định phê duyệt ĐUQT và hồ sơ trình phê duyệt ĐUQT, vì thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ khác thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội.

- Tại Điều 39, đề nghị chỉ cần dẫn chiếu chung theo Điều 35 của Luật này.

#### **13. Về việc công bố điều ước quốc tế (Điều 57)**

Đề nghị cân nhắc về tính khả thi của quy định nêu tại khoản 3. quy định phải công bố ĐUQT trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được bản sao ĐUQT có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi có phù hợp hay không, nếu trong trường hợp ĐUQT chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài nhưng phải đăng cả bản dịch bằng tiếng Việt, như quy định tại khoản 3 Điều 57 của Dự thảo Luật?

#### **14. Về việc giải thích điều ước quốc tế (Điều 62)**

- Theo quy định tại điểm b Khoản 1 thì: “*Chính phủ tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan đề xuất quyết định việc giải thích điều ước quốc tế...*”. Theo Hiến pháp năm 2013, chỉ UBTVQH mới có quyền giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh (khoản 2 Điều 74). Nếu coi ĐUQT là nguồn luật áp dụng trực tiếp

(như giải trình tại Điều 7) thì việc giải thích ĐUQT có thể coi là giải thích luật hay không? Đề nghị cân nhắc về vấn đề này.

- Tại Điểm b Khoản 4, đề nghị bổ sung “*tiếng Việt và tiếng nước ngoài điều ước quốc tế*”, viết lại thành “*Bản sao tiếng Việt và tiếng nước ngoài điều ước quốc tế*”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi). Kính chuyển Quý Bộ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Khánh**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1015 LĐTĐBXH-PC  
V/v góp ý đối với dự thảo  
Luật ĐUQT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>	
Số: <u>9121</u> .....	
<b>ĐẾN</b> Ngày: <u>30/3/15</u> .....	
Chuyên:.....	

KTC  
LPQT  
-ve  
18.30/3/15  
ll-

Kính gửi: Bộ Ngoại Giao

Trả lời Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của quý Bộ về việc góp ý dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có một số ý kiến như sau :

Một là, Khoản 14 Điều 70 Hiến Pháp 2013 quy định Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: *"Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội"*.

Một trong những nhiệm vụ mà Luật Điều ước Quốc tế phải giải quyết là cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp. Luật cần xác định những điều ước quốc tế nào thì phải trình Quốc hội phê chuẩn. Cả hai phương án quy định về nội dung này tại Điều 29 của Dự thảo Luật về cơ bản đều chỉ lặp lại quy định trên của Hiến pháp. Và như vậy, trong nhiều trường hợp, khi Việt Nam tham gia một điều ước cụ thể (ví dụ các công ước cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế) thì vẫn không xác định được liệu có phải đi qua thủ tục phê chuẩn của Quốc hội hay không.

Từ lý do trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu có quy định theo 2 phương án:

*Phương án 1:* Cụ thể hóa Khoản 14 Điều 70 của Hiến pháp trong Dự thảo Luật, quy định rõ tiêu chí xác định thể nào là *điều ước quốc tế về quyền con người*,

quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; thế nào là điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội phải qua thủ tục phê chuẩn của Quốc hội.

Phương án 2: Nếu không cụ thể hóa được Khoản 14 Điều 70 của Hiến pháp trong Luật thì nên có Điều luật quy định để Chính phủ hướng dẫn nội dung trên.

Hai là, Điều 19 dự thảo Luật nên bỏ Phương án 2 để giảm thiểu thủ tục hành chính;

✓ Ba là, Khoản 2 Điều 65 bổ sung: “ Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất...”

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, kính gửi quý Bộ tham khảo để hoàn thiện dự thảo Luật./.

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VPC.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Phạm Minh Huân

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1031** /BNV- PC  
V/v góp ý đối với dự thảo Luật  
ĐUQT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày **03** tháng **03** năm **2015**

<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>	
Số: <b>6811</b> .....	
<b>ĐẾN</b> Ngày: <b>11/3/15</b> .....	
Chuyên:.....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế)

*K/c:*  
~~LPQT (9/6)~~  
~~ve~~  
 4.11/3/15  
*KL*

Trả lời công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2005 của Bộ Ngoại giao đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về quy định nêu tại Điều 1 của dự thảo Luật điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao.

Lý do: Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh, bao gồm cả ký kết Điều ước quốc tế về viện trợ hoặc vay trong Luật này nhằm đảm bảo mục tiêu các quy định pháp luật liên quan đến điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia được thống nhất bằng một văn bản duy nhất (Luật điều ước quốc tế) để thuận lợi cho việc áp dụng.

2. Về quy định tại Khoản 3 Điều 28 của dự thảo Luật Điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao.

Lý do: Trường hợp Điều ước quốc tế có quy định trái quy định trong Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh đó là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh trong lĩnh vực liên quan, ví dụ như Pháp lệnh về Ưu đãi, miễn trừ của cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thì để thuận lợi cho việc thực hiện và phù hợp với thẩm quyền, nên quy định Điều ước này cũng phải được Quốc hội phê chuẩn.

3. Về quy định tại Khoản 4 Điều 28 của dự thảo Luật Điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao (lý do như điểm 2 nêu tại công văn này).

4. Về quy định tại Khoản 1 Điều 29 của dự thảo Luật Điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao (lý do như điểm 2 nêu tại công văn này).

5. Về quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 41 của dự thảo Luật Điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao (lý do như điểm 2 nêu tại công văn này).

6. Về quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 62 của dự thảo Luật Điều ước quốc tế: Bộ Nội vụ thống nhất chọn phương án 2 như đề xuất của Bộ Ngoại giao (lý do như điểm 2 nêu tại công văn này).

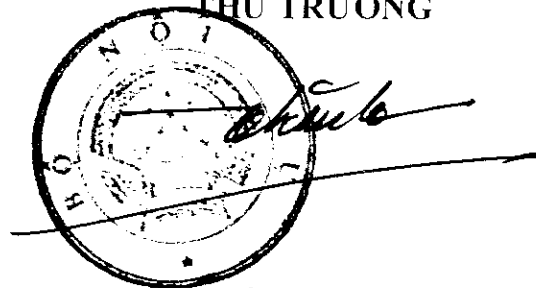
7. Đề nghị duy trì các quy định về thời hạn góp ý, kiểm tra, thẩm định Điều ước quốc tế để đảm bảo tính khả thi của các quy định này.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế, đề nghị Bộ Ngoại giao tổng hợp, hoàn chỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (b/cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Duy Thăng**



**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2355** /BNN-HTQT

Hà Nội, ngày **23** tháng **3** năm **2015**

V/v: Tổng kết việc thực hiện Luật  
ký kết, gia nhập và thực hiện điều  
ước quốc tế

Kính gửi: Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế) ✓

Phúc đáp công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/02/2015 của Quý Bộ về việc góp ý với dự thảo Luật điều ước quốc tế (ĐƯQT) sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và PTNT về cơ bản nhất trí với dự thảo Luật điều ước quốc tế. Tuy nhiên đối với một số nội dung sửa đổi hoặc còn đang để phương án lựa chọn, Bộ Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

Tại điều 1: Phạm vi điều chỉnh – Bộ Nông nghiệp và PTNT nhất trí với phương án 1. Các điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài do có những đặc thù riêng do vậy việc ký kết nên quy định riêng nhằm đảm bảo tính thiết thực và phù hợp với quy trình quản lý nợ công.

Tại điều 4, khoản 1, điểm d – nên sửa thành “liên quan đến tư cách thành viên của Việt Nam tại tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng” để nhất quán với các điều khoản sau.

Tại điều 7: Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước – Việc bỏ khoản 3 tại điều 6 của luật năm 2005 là nhằm đảm bảo tính nhất quán với khoản 1. Tuy nhiên nếu áp dụng như khoản 1 thì chúng ta cần phải xem xét đến việc nội luật hóa các điều ước quốc tế và trách nhiệm cụ thể của các cơ quan liên quan.

Tại điều 9, khoản 2: nên bổ sung thêm 02 nội dung về quyền con người và tư cách thành viên vào các vấn đề do Bộ Ngoại giao chủ trì.

Tại điều 18, khoản 1, điểm c, cần xem xét để đảm bảo tính thống nhất như đã lý giải khi loại bỏ khoản 3 tại điều 7.

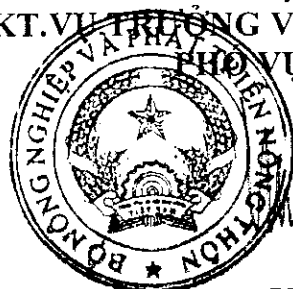
Tại điều 28, 41, 62 - Nên chọn PA 1, phần làm rõ như PA2 có thể đưa vào các văn bản hướng dẫn.

Trên đây là một số nội dung góp ý của Bộ Nông nghiệp và PTNT để Quý Bộ tham khảo và xem xét để bổ sung vào dự thảo luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Lê Quốc Doanh (để b/c);
- VT Trần Kim Long (để b/c);
- Lưu VP-HTQT (ha).

**TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Vũ Văn Minh**

**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: *2244* /BQP-PCHà Nội, ngày *23* tháng 3 năm 2015

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi)

BỘ NGOẠI GIAO

Số: *2522*  
**ĐẾN** Ngày: *24/3/15*  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao.

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm của Bộ Ngoại giao về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc thẩm định những tác động, ảnh hưởng về quốc phòng, an ninh của đất nước đối với việc đề xuất ký điều ước quốc tế.

2. Những nội dung xin ý kiến trong dự thảo Luật:

- a) Điều 1: Đề nghị lựa chọn Phương án 1.
- b) Điều 19: Đề nghị lựa chọn Phương án 1.
- c) Khoản 3, Khoản 4 Điều 28: Đề nghị lựa chọn Phương án 2.
- d) Khoản 1 Điều 29: Đề nghị lựa chọn Phương án 2.
- đ) Điểm c Khoản 1 Điều 41: Đề nghị lựa chọn Phương án 2.
- e) Điểm a Khoản 1 Điều 62: Đề nghị lựa chọn Phương án 2.
- g) Điểm đ Khoản 3 Điều 62: Đề nghị lựa chọn Phương án 2.

Trên đây là ý kiến của Bộ Quốc phòng đối với dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi), đề nghị Quý Bộ tổng hợp theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c TT Nguyễn Thành Cung;
- Cục Đối ngoại;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, PC; VH05.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh

K/C.

- A.X.S.G.

- LPQT (gq)

- VP

- PC

V.24/3/15  
H.

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4934 /BTC-PC  
V/v góp ý dự thảo Luật ĐUQT  
(sửa đổi)

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2015

<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số:.....11419.....
	Ngày:.....15/4/15.....
Chuyên:.....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao /

Độc,  
- A.KS  
- A.BS  
- LPQT (GQT)  
- TKT  
- DKT  
- VP  
- CC  
VP, H/4/15  
KS

Tiếp theo công văn số 3800/BTC-PC của Bộ Tài chính ngày 24/3/2015, Bộ Tài chính bổ sung giải trình liên quan đến đề nghị đưa điều ước quốc tế cụ thể về vay trả nợ với nước ngoài nhân danh Chính phủ ra khỏi phạm vi điều chỉnh của dự án Luật Điều ước Quốc tế sửa đổi (Luật ĐUQT sửa đổi), vì các lý do sau:

1. Luật Quản lý nợ công (Luật QLNC) được Quốc hội thông qua năm 2009, tại khoản 4 Điều 21 đã quy định việc ký kết và phê duyệt thỏa thuận khung về vay ODA, thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật ĐUQT, đối với các thỏa thuận vay cụ thể khác được thực hiện theo quy trình, thủ tục ký kết và phê duyệt thỏa thuận cụ thể mà Chính phủ được giao quy định tại Luật QLNC. Luật QLNC quy định như vậy là do việc ký kết và phê duyệt thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Chính phủ thường gắn với hoạt động vay nợ cụ thể của Chính phủ, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý chung theo Luật ĐUQT. Cụ thể:

- Điều 7 Luật QLNC về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội đã quy định Quốc hội quyết định tổng mức, cơ cấu vay và trả nợ hàng năm của Chính phủ gắn với dự toán Ngân sách nhà nước, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia từ nguồn vốn vay của Chính phủ.

- Điều 8 Luật QLNC quy định Chính phủ trình Quốc hội quyết định các chỉ tiêu an toàn về nợ, mục tiêu định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công trong từng giai đoạn 5 năm; tổng mức, cơ cấu vay và trả nợ hàng năm của Chính phủ gắn với dự toán Ngân sách nhà nước.

2. Việc phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật ĐUQT và Luật QLNC như trên, trong thực tế thực hiện thời gian qua cho thấy đã đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính hiện nay và cũng phù hợp với bản chất của loại thỏa thuận vay trong các hợp đồng vay từ trước đến nay. Nếu thay đổi vừa không phù hợp với bản chất, vừa phát sinh thủ tục hành chính không hợp lý.

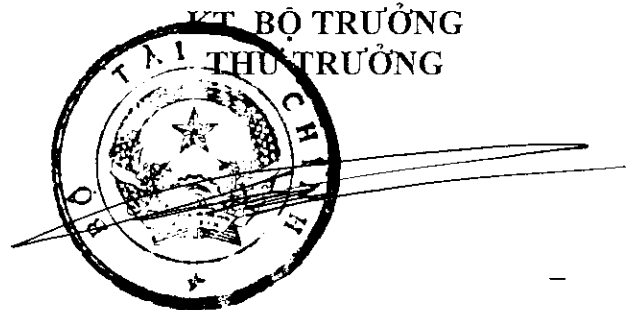
3. Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, không phát sinh xung đột pháp luật trong thực hiện, nhất là trong bối cảnh đối tác ký không ngang cấp, không tương đồng về địa vị pháp lý (Phía đối tác ký kết không đại diện cho quyền lực nhà nước khi tham gia thỏa thuận mà chỉ thực hiện giao kết dân sự, kinh tế).

Ví dụ như: phần lớn các thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Chính phủ được ký với một bên là ngân hàng nước ngoài (ngân hàng nhà nước hoặc ngân hàng tư nhân). Cùng là thỏa thuận vay ký giữa Chính phủ Việt Nam với Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, đối với thỏa thuận vay theo điều kiện tín dụng ưu đãi được Bộ Ngoại giao xác định là ĐUQT, đối với thỏa thuận vay theo điều kiện thương mại thì được coi là hoạt động huy động vốn thông thường/thỏa thuận dân sự, không phải là ĐUQT năm 2005. Trên thực tế, do bản chất các thỏa thuận vay cụ thể là hợp đồng kinh tế, việc đưa các thỏa thuận này vào phạm vi điều chỉnh của Luật ĐUQT đã gặp phải vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, nhằm tránh phát sinh thủ tục hành chính trong nước và rủi ro tính quốc tế nếu đưa thỏa thuận vay cụ thể vào phạm vi điều chỉnh của Luật ĐUQT như quy định tại Điều 1 Dự thảo-Luật ĐUQT sửa đổi. Đề nghị Bộ Ngoại giao nghiên cứu, tiếp thu và báo cáo Chính phủ trong quá trình hoàn thiện dự án Luật./. *MT*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- HTQT, HCSN, QLN&TCĐN, TCT, TCHQ
- Lưu: VT, PC, (10b).



**Trương Chí Trung**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3800/BTC-PC

V/v góp ý dự thảo Luật  
ĐUQT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

**BỘ NGOẠI GIAO**

Kính gửi: Bộ Ngoại giao /

Số: 8800.....  
**ĐẾN** Ngày: 25/3/15.....  
Chuyên:.....

Trả lời công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của Bộ Ngoại giao đề nghị góp ý kiến dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

K(c):

- A.K.S.M.

- LPQT (9/9)

**I- Một số nội dung chính:**

- THKT

- CNV

- LS

- KC

25/3/15  
kt

1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1): hiện dự án Luật quy định 2 phương án. Phương án 1: loại trừ ĐUQT về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật. Phương án 2: không quy định loại trừ ĐUQT về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài.

Liên quan đến vấn đề này, tại khoản 4 Điều 21 Luật Quản lý nợ công quy định việc ký kết và phê duyệt thỏa thuận khung về vay ODA, thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật ĐUQT. Đối với các thỏa thuận vay cụ thể khác được thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ. Như vậy, Luật quản lý nợ công có dẫn chiếu áp dụng các quy định của Luật ĐUQT đối với các thỏa thuận khung về vay ODA, thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Nhà nước. Trường hợp, dự thảo Luật ĐUQT quy định như phương án 1, theo đó không điều chỉnh đối với điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật trong khi Luật Quản lý nợ công chưa được sửa đổi (tại Điều 83 quy định về điều khoản chuyển tiếp không có quy định về các thỏa thuận khung về vay ODA, thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Nhà nước trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung Luật quản lý nợ công).

Trường hợp quy định như phương án 2: đưa các thỏa thuận khung về vay ODA, thỏa thuận vay cụ thể nhân danh Nhà nước vào phạm vi điều chỉnh của Luật ĐUQT. Quy định tại chương IX dự án Luật về trình tự, thủ tục rút gọn chưa phù hợp với quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt và ký kết thỏa thuận vay cụ thể tại Luật Quản lý nợ công, cũng như chưa phù hợp với quy trình ký kết, phê duyệt thỏa thuận viện trợ không hoàn lại từ nguồn nước ngoài (thường phải theo quy trình và tiến độ ngân sách của bên viện trợ).

Do đó, Bộ Tài chính đề nghị quy định về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 dự án Luật như sau: "Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế,

*trừ điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức và điều ước quốc tế cụ thể về vay trả nợ với nước ngoài nhân danh Chính phủ”.*

✓ 2. Tại Khoản 1 Điều 2 dự án Luật về giải thích từ ngữ quy định: “*Điều ước quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo pháp luật quốc tế*”.

Khái niệm ĐUQT như quy định tại dự án Luật có một số vấn đề như sau:

- Do Luật không giải thích như thế nào là “*chủ thể khác của pháp luật quốc tế*”, thực tiễn áp dụng đã phát sinh một số vướng mắc. Cụ thể: cùng là thỏa thuận vay ký giữa Chính phủ Việt Nam với Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, đối với thỏa thuận vay theo điều kiện tín dụng ưu đãi được Bộ Ngoại giao xác định là ĐUQT, đối với thỏa thuận vay theo điều kiện thương mại thì được coi là hoạt động huy động vốn thông thường/thỏa thuận dân sự, không phải là ĐUQT. Ngoài ra, trong lĩnh vực vay nợ nước ngoài, thỏa thuận vay thường được ký giữa một bên là Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam và một bên là ngân hàng nước ngoài (pháp nhân của nước tài trợ). Các ngân hàng này hoạt động theo luật pháp của nước tài trợ, thỏa thuận vay mà các ngân hàng ký với Nhà nước/Chính phủ Việt Nam phải tuân thủ luật pháp của nước tài trợ. Nếu coi thỏa thuận ký với các ngân hàng này là ĐUQT thì vừa gây bất lợi, làm tăng trách nhiệm của phía Việt Nam, vừa không phù hợp với nguyên tắc bình đẳng của Luật ĐUQT (đối với Việt Nam các thỏa thuận này được ưu tiên áp dụng so với pháp luật Việt Nam, còn đối với nước ngoài đây chỉ là các thỏa thuận dân sự).

- Theo Công ước Viên về luật điều ước quốc tế năm 1969, điều ước là thỏa thuận quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được pháp luật quốc tế điều chỉnh... Theo Công ước Viên về luật điều ước giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế hoặc giữa các tổ chức quốc tế năm 1986, điều ước là thỏa thuận quốc tế được pháp luật quốc tế điều chỉnh và được ký kết bằng văn bản giữa một hoặc nhiều quốc gia với một hoặc nhiều tổ chức quốc tế; hoặc giữa các tổ chức quốc tế với nhau.

Xuất phát từ những nội dung trên, Bộ Tài chính đề nghị chỉ nên quy định điều ước quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế. Theo đó, bỏ đoạn “... hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế...” và quy định rõ: “... làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ của Nhà nước/Chính phủ Việt Nam theo pháp luật quốc tế”.

Đồng thời đề nghị sửa lại khoản 6 Điều 2 về giải thích khái niệm “Bên ký kết nước ngoài” cho phù hợp, theo đó bên ký kết nước ngoài là quốc gia, tổ chức quốc tế (bỏ đoạn “hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế”).

3. Về trình tự, thủ tục rút gọn tại Chương IX dự án Luật: (Các Điều từ 69-73):

Dự án Luật đã quy định trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với (i) ĐUQT có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực; (ii) ĐUQT theo mẫu với cùng một bên nước ngoài; (iii) ĐUQT để thực hiện một ĐUQT khác của VN.

Tuy nhiên quy định về thủ tục đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực của ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn tại dự án Luật chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động vay, trả nợ nói chung. Để hài hòa với quy trình quản lý hoạt động vay, trả nợ của Luật Quản lý nợ công, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung vào Chương IX dự án Luật 02 Điều quy định quy trình riêng áp dụng cho các ĐUQT vay nước ngoài nhân danh Nhà nước, cụ thể như sau:

**“Điều 74: Đàm phán, ký, phê chuẩn ĐUQT vay nước ngoài nhân danh Nhà nước:**

1. Trường hợp thành lập đoàn đàm phán hoặc do yêu cầu của bên cho vay nước ngoài về đàm phán và ủy quyền đàm phán, cơ quan đề xuất xin ý kiến các cơ quan liên quan, đồng gửi Văn phòng Chủ tịch nước để báo cáo, đề trình Chính phủ về đề xuất đàm phán ĐUQT vay nước ngoài nhân danh Nhà nước. Các cơ quan liên quan góp ý trong vòng 10 ngày làm việc.

2. Trường hợp chủ trương vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Danh mục đề xuất vay nước ngoài, các điều khoản về quyền và nghĩa vụ pháp lý của bên vay tương tự các thỏa thuận vay đã được phê duyệt để ký kết với cùng bên cho vay nước ngoài, căn cứ văn kiện dự án sử dụng vốn vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan đề xuất trình Chính phủ đề xuất đàm phán ĐUQT về vay nước ngoài nhân danh Nhà nước, đồng gửi Văn phòng Chủ tịch nước để báo cáo<sup>1</sup>.

3. Hồ sơ trình về đề xuất đàm phán ĐUQT vay nhân danh Nhà nước bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan đề xuất nêu rõ sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đàm phán; nội dung chính của ĐUQT; định hướng và phương án đàm phán (nếu cần thiết);

b) Ý kiến của các cơ quan liên quan, từ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ trình Chủ tịch nước phê duyệt đề xuất đàm phán vay nước ngoài nhân danh Nhà nước để Chủ tịch nước cho phép bằng văn bản (Giấy ủy quyền đàm phán).<sup>2</sup>

5. Cơ quan đề xuất phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đàm phán với bên cho vay nước ngoài.

<sup>1</sup> Bộ Tài chính đề xuất không cần xin ý kiến các cơ quan liên quan do chủ trương vay vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, văn kiện dự án đã được duyệt, nhà tài trợ có thông báo đàm phán; việc đàm phán chỉ là hành động triển khai chủ trương vay vốn; nội dung pháp lý để đàm phán tương tự thỏa thuận vay đã ký trước với cùng bên cho vay; chỉ đàm phán về nội dung dự án sử dụng vốn vay theo văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

<sup>2</sup> Đề nghị Bộ NG cân nhắc về việc quy định thời hạn phê duyệt của Chính phủ, của Chủ tịch nước.

6. Cơ quan đề xuất xin ý kiến các cơ quan liên quan về dự thảo thỏa thuận vay dự kiến ký kết, đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao. Các cơ quan liên quan góp ý kiến trong vòng 10 ngày làm việc. Trường hợp các cơ quan đã cử đại diện tham gia đàm phán, các cơ quan góp ý kiến trong vòng 5 ngày làm việc.

7. Trên cơ sở ý kiến các cơ quan và ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, cơ quan đề xuất gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định trong vòng 10 ngày làm việc. Trường hợp Bộ Tư pháp là cơ quan góp ý về mặt pháp lý của thỏa thuận vay, Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định trong vòng 5 ngày làm việc.

8. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan đề xuất trình Chính phủ phê duyệt nội dung dự thảo ĐUQT để trình Chủ tịch nước cho phép ký kết.

9. Hồ sơ trình ký kết ĐUQT nhân danh Nhà nước bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan đề xuất nêu rõ sự cần thiết, yêu cầu, mục đích ký ĐUQT; nội dung chính của ĐUQT; tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực; các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ ĐUQT đối với Việt Nam; đánh giá tác động chính trị, KT-XH và những tác động khác; đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này; đánh giá sự phù hợp về nội dung của ĐUQT đó với ĐUQT về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên; đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của ĐUQT với quy định của pháp luật Việt Nam; kiến nghị bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước nước ngoài; đánh giá về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐUQT; những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với các cơ quan, tổ chức hữu quan, giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.

b) Dự thảo văn bản ĐUQT vay nhân danh Nhà nước bằng tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt;

c) Ý kiến thẩm tra của Bộ NG, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của các cơ quan liên quan.

7. Chính phủ trình Chủ tịch nước phê duyệt việc ký ĐUQT vay nhân danh Nhà nước trong vòng ... ngày.

8. Chủ tịch nước cho phép ký ĐUQT vay nhân danh Nhà nước và ủy quyền bằng văn bản.

9. Cơ quan đề xuất ký ĐUQT vay nhân danh Nhà nước với đại diện bên ký kết nước ngoài.

10. Trong trường hợp ĐUQT đã ký không có nội dung khác biệt so với ĐUQT đã được Chủ tịch nước cho phép ký, Cơ quan đề xuất xin ý kiến thẩm



định của Bộ Tư pháp để trình Chính phủ báo cáo Chủ tịch nước phê chuẩn ĐUQT vay nhân danh Nhà nước.

11. Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc phê chuẩn ĐUQT vay nhân danh Nhà nước.

#### **Điều 75. Sửa đổi, bổ sung ĐUQT vay nước ngoài nhân danh Nhà nước**

1. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung ĐUQT về vay nước ngoài nhân danh Nhà nước thông qua thỏa thuận sửa đổi, bổ sung làm thay đổi quyền và nghĩa vụ pháp lý của nhà nước, Cơ quan đề xuất xin ý kiến các cơ quan liên quan về đề xuất sửa đổi, bổ sung ĐUQT, gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để tổng hợp, trình Chính phủ để trình Chủ tịch nước quyết định. Các cơ quan liên quan góp ý trong vòng 10 ngày làm việc.

2. Trường hợp sửa đổi, bổ sung ĐUQT để phản ánh các nội dung điều chỉnh dự án sử dụng vốn vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý của nhà nước đối với bên ký kết nước ngoài và không ký kết thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, cơ quan đề xuất xin ý kiến Bộ Tài chính để trao đổi, ký kết với bên nước ngoài<sup>3</sup>.

#### **II- Một số ý kiến tham gia cụ thể:**

1. Tại các Điều về trình tự, thủ tục liên quan đến ký kết, kiểm tra, thẩm định, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập và thực hiện ĐUQT, đề nghị quy định về thời hạn giải quyết (thời hạn thẩm định, thời hạn thẩm tra dự thảo ĐUQT) đảm bảo rõ ràng, rõ trách nhiệm cũng như nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

2. Tại các Điều về hồ sơ liên quan đến việc đề xuất ký, kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế:

- Đề nghị quy định rõ là dự thảo văn bản điều ước quốc tế để bảo đảm chính xác (dự thảo quy định là văn bản điều ước quốc tế), vì theo quy định tại khoản 1 Điều 2 về giải thích từ ngữ, điều ước quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập ...

- Đề nghị quy định cụ thể các tài liệu cần thiết khác trong hồ sơ trình bao gồm những tài liệu nào để bảo đảm minh bạch, rõ ràng và thuận tiện trong quá trình thực hiện.

3. Tại điểm c khoản 2 Điều 8 đề nghị quy định rõ hơn trách nhiệm của TANDTC, VKSNDTC, Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW trong quản lý nhà nước về ĐUQT.

4. Tại khoản 1 Điều 9 quy định TANDTC, VKSNTTC, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động đề xuất với Chính phủ về việc đàm phán ĐUQT. Trong khi đó, tại Điều 11 quy định cơ quan đề xuất trình hồ

<sup>3</sup> Việc xin ý kiến Bộ Tài chính nhằm kiểm tra có phát sinh thêm nghĩa vụ trả nợ, về việc không làm phát sinh nghĩa vụ pháp lý như đổi tên chủ đầu tư, cơ quan thực hiện, điều chỉnh phân bổ vốn v.v..., do cơ quan đề xuất chủ động kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

sơ đàm phán lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ trình hồ sơ đàm phán lên Chủ tịch nước. Do đó, tại khoản 1 Điều 9 đề nghị sửa lại các cơ quan có trách nhiệm đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán ĐUQT.

5. Tại Điều 10 về thẩm quyền quyết định đàm phán: đề nghị đánh giá và cân nhắc kỹ hơn trường hợp nêu tại dự thảo Luật bỏ quy định Chính phủ báo cáo UBTVQH xin ý kiến đàm phán ĐUQT có quy định trái luật, ĐUQT mà việc thực hiện cần sửa đổi, ban hành luật với lý do là nội dung này không cần thiết ở giai đoạn đàm phán. Theo ý kiến Bộ Tài chính, việc xây dựng nội dung đàm phán là rất quan trọng, là khung để có cơ sở tiến hành đàm phán, trường hợp có nội dung tại ĐUQT trái luật thì cần phải xin ý kiến của cơ quan lập pháp trước khi tiến hành đàm phán, để tránh trường hợp đàm phán xong nhưng không được cơ quan lập pháp chấp thuận vì nội dung ĐUQT trái pháp luật trong nước.

6. Khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 43 quy định: “Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc đàm phán/ký/gia nhập.... thì ngoài các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ trình phải có ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của các cơ quan hữu quan”. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 9, Điều 12, Điều 27, Điều 40 dự án Luật thì trong mọi trường hợp cơ quan đề xuất đều trình Chính phủ về việc đàm phán/ký/gia nhập ĐUQT. Do đó, không cần quy định: “Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ...”, vì mọi trường hợp đều phải trình Chính phủ.

7. Tại Điều 14 về nội dung tờ trình đề xuất ký ĐUQT, đề nghị bổ sung quy định về Kế hoạch triển khai thực hiện ĐUQT sau khi ĐUQT có hiệu lực.

8. Tại Điều 19 về hồ sơ đề nghị thẩm định ĐUQT: đề nghị Bộ Ngoại giao giải thích về sự cần thiết phải có 03 bộ hồ sơ gửi thẩm định. Trường hợp không làm rõ được sự cần thiết phải tăng số lượng bộ hồ sơ gửi thẩm định thì đề nghị giữ quy định 01 bộ hồ sơ như pháp luật hiện hành.

9. Tại Khoản 5 Điều 20: đề nghị quy định đối với các thỏa thuận vay nước ngoài, việc cử người được ủy quyền đàm phán, ký kết ĐUQT không phải lấy ý kiến Bộ Ngoại giao.

10. Đối với các Điều dự án Luật còn quy định theo 2 phương án (Điều 28- Các loại điều ước phải được phê chuẩn, Điều 29- Thẩm quyền phê chuẩn ĐUQT, Điều 41- Thẩm quyền quyết định gia nhập ĐUQT nhiều bên, Điều 62- Giải thích ĐUQT), Bộ Tài chính đề nghị quy định theo phương án 2, theo đó ĐUQT phải được phê chuẩn bao gồm cả ĐUQT trái với Pháp lệnh, NQ của UBTVQH; QH quyết định gia nhập ĐUQT nhiều bên có nội dung trái Luật, NQ của QH, hoặc Pháp lệnh, NQ của UBTVQH ...

11. Tại tiết a khoản 1 Điều 71: đề nghị bổ sung “ĐUQT có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực, bao gồm các thỏa thuận vay nước ngoài nhân danh Nhà nước”.

12. Ngoài ra, nhiều nội dung dự thảo quy định chung chung, khó áp dụng, sẽ vướng mắc trên thực tế như:

- Tại tiết d khoản 1 Điều 4 đề nghị làm rõ khái niệm “tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng”.

- Đối với nội dung tại Điều 14, 16 về nội dung Tờ trình ký ĐUQT, nội dung ý kiến kiểm tra của Bộ NG, đề nghị rà soát thực tế đang thực hiện để xem xem có cần thiết có các nội dung này không.

- Tại Điều 20 đề nghị quy định cụ thể “Ủy nhiệm tham dự Hội nghị quốc tế” áp dụng trong trường hợp nào; trường hợp áp dụng khi đàm phán, ký kết ĐUQT nhiều bên thì cần quy định rõ để tránh vướng mắc khi thực hiện.

- Tại khoản 5 Điều 34 về Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn điều ước quốc tế khi có quá nửa tổng số đại biểu QH biểu quyết tán thành. Đề nghị quy định rõ quá nửa tổng số đại biểu QH tham dự phiên họp biểu quyết tán thành hay quá nửa tổng số đại biểu QH theo số liệu chính thức biểu quyết tán thành.

- Tại khoản 1 Điều 37 quy định về ĐUQT nhân danh Chính phủ có quy định phải được phê duyệt, đề nghị Bộ Ngoại giao làm rõ yêu cầu phải được phê duyệt được quy định tại văn bản nào, có phải quy định ngay trong chính ĐUQT đó không.

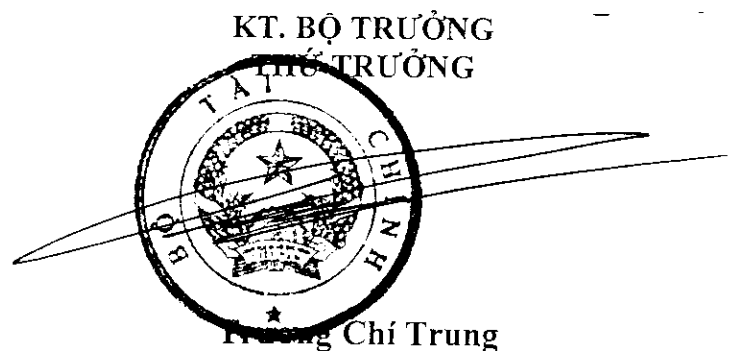
- Điều 71.2.a, Điều 72.1, Điều 73.1: đề nghị tránh dùng cụm từ “không nhất thiết phải lấy ý kiến” do không mang tính pháp lý và gây cách hiểu chung chung, khó cho các cơ quan khi thực hiện.

- Điều 72.1.a: đề nghị bổ sung giải thích khái niệm “tác động không đáng kể đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của VN” do rất chung chung, khó áp dụng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, kính chuyên Bộ Ngoại giao nghiên cứu hoàn thiện dự án Luật. / *ngf*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HTQT, HCSN, QLNT&TCĐN, TCT, TCHQ
- Lưu: VT, PC, (10b).



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 970 /BTNMT-PC

V/v góp ý dự thảo Luật điều ước quốc tế

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 8916  
**ĐẾN** Ngày: 27/3/15

Chuyển: tháng 02 năm 2015 của

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của quý Bộ về việc góp ý dự thảo Luật điều ước quốc tế, sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Điều 1, đề nghị nghiên cứu lựa chọn Phương án 2 để bảo đảm yêu cầu về quản lý thống nhất các điều ước quốc tế và áp dụng linh hoạt, thuận lợi trong thực tế.

2. Khoản 4 Điều 6, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể các loại mẫu chuẩn về giấy điều ước, bì điều ước hoặc quy định rõ cơ quan nào ban hành để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình sử dụng.

3. Khoản 2 Điều 8, đề nghị nghiên cứu quy định rõ cơ quan quản lý nhà nước về điều ước quốc tế đối với các điều ước quốc tế do Quốc hội ký.

4. Điểm a khoản 1 Điều 11, đề nghị nghiên cứu thay cụm từ “cơ quan trình” bằng cụm từ “cơ quan đề xuất” cho thống nhất với các nội dung quy định tại Điều 9 của dự thảo Luật.

5. Khoản 3 Điều 12, đề nghị xem xét lại nội dung này để bảo đảm phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 4 dự thảo Luật, vì việc đàm phán, ký điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia không thuộc trường hợp điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Chính phủ (khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật). Do vậy, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa khoản 3 Điều 12 như sau: “...đề xuất với Chính phủ để Chính phủ kiến nghị Chủ tịch nước hoặc Quốc hội về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia”.

6. Khoản 5 Điều 14, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đánh giá tác động chính trị, kinh tế - xã hội và những tác động khác để thuận lợi trong quá trình áp dụng thực hiện.

7. Khoản 1 Điều 17, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa cụm từ “các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật này” bằng cụm từ “các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật này” cho chính xác.

8. Khoản 3 Điều 18, đề nghị nghiên cứu quy định rõ thành phần, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng thẩm định điều ước quốc tế để bảo đảm thuận lợi trong quá trình áp dụng thực hiện.

9. Điều 19, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau:

a) Khoản 1, đề nghị nghiên cứu quy định như sau: Văn bản đề nghị thẩm định, trong đó bao gồm các nội dung đánh giá về các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật này nhằm bảo đảm tính thống nhất và tránh trùng lặp.

b) Khoản 5, nhất trí lựa chọn Phương án 2, bổ sung quy định: số lượng hồ sơ gửi thẩm định là 03 bộ.

10. Khoản 3, khoản 4 Điều 28, nhất trí lựa chọn Phương án 2 về bổ sung thêm cụm từ “hoặc pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” vào sau cụm từ “... điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội”.

11. Khoản 1 Điều 29, nhất trí lựa chọn Phương án 2 về bổ sung thêm cụm từ “hoặc pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế...” vào sau cụm từ “... điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội”.

12. Điểm c Khoản 1 Điều 41, nhất trí lựa chọn Phương án 2 về bổ sung cụm từ “hoặc pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” vào sau cụm từ “... điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội”.

13. Điều 62, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau:

a) Điểm a Khoản 1, nhất trí lựa chọn Phương án 2 về bổ sung quy định “điều ước quốc tế có quy định trái hoặc chưa quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điều ước quốc tế mà để thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” vào sau cụm từ “... quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập”.

b) Điểm d Khoản 3, nhất trí lựa chọn Phương án 2 về bổ sung cụm từ “hoặc do Chính phủ trình theo quy định tại điểm b khoản này”.

14. Khoản 4 Điều 83, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về xử lý đối với các điều ước quốc tế nhiều bên đang tiến hành nhưng chưa tiết hành thủ tục gia nhập để cho đầy đủ.

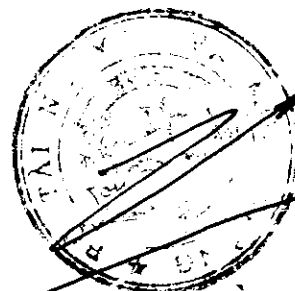
Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, PC, PTH (3).



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Hồng Hà**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: **705** /BTTTT-PCHà Nội, ngày **18** tháng 3 năm 2015

V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật Điều ước quốc tế

Kính gửi : Bộ Ngoại giao

BỘ NGOẠI GIAO

Số: **7802**.....**ĐẾN** Ngày: **18/3/15**.....

Chuyên:.....

Phúc công văn số 477/BNG-PLQT ngày 13/02/2015 của Bộ Ngoại giao về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

KTC,

LPOA (941)

-cc

L, 18/3/15  
M

I. Một số ý kiến góp ý đối với dự thảo:

1. Về Điều 2 “Giải thích từ ngữ”:

a. Khoản 12: Đề nghị xem xét lại thuật ngữ này vì cụm từ “đang có hiệu lực” chưa rõ đối với trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết nhưng chưa được Quốc hội phê chuẩn có được coi là Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không?

b. Đề nghị xem xét bổ sung khái niệm với “cơ quan đề xuất” và “cơ quan trình” để làm rõ trách nhiệm của hai cơ quan này cũng như tránh gây nhầm lẫn giữa hai cơ quan này.

2. Điều 4: Đề nghị làm rõ thuật ngữ “Khu vực quan trọng” và tiêu chí để xác định “khu vực quan trọng”.

3. Điều 7 “Điều ước quốc tế và quy định..”: Đề nghị xem xét gộp Khoản 1 và Khoản 2 làm một Khoản sẽ phù hợp hơn. Đồng thời xem xét đổi tên Điều này thành “Áp dụng Điều ước quốc tế”.

4. Về Chương II: Dự thảo hiện nay còn quy định chương này khá chung chung chưa chi tiết; do vậy, đề nghị xem xét giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các thủ tục đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế.

5. Về Điều 20 “Giấy ủy quyền, giấy ủy nhiệm”:

a. Đề nghị xem xét bổ sung thêm trường hợp chỉ có một thủ tục ủy quyền, trong đó cả ủy nhiệm vì lý do:

- Trong nhiều trường hợp, các tổ chức quốc tế chỉ có một thủ tục ủy quyền (Proxy/Full Power), theo đó người đứng đầu và các thành viên đều được tham

77.11.15 / Hà 30.2.2015

2. Điều 19: Bộ Thông tin và Truyền thông cho rằng phương án 1 hợp lý hơn vì giảm thiểu thủ tục; Đồng thời Bộ Thông tin và Truyền thông kiến nghị ứng dụng công nghệ thông tin vào việc gửi hồ sơ, văn bản điện tử giữa các bộ ngành.

3. Điều 18, 29, 41, 62 Bộ ủng hộ phương án 2 vì Pháp lệnh và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng là văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Quý Bộ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo.

Trân trọng cảm ơn./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Hưng**

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1032/BTP-PLQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2015

V/v góp ý dự thảo Luật ĐUQT  
(sửa đổi)

<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>	
Số: 9.821.....	
<b>ĐẾN</b> Ngày: 03/4/15.....	
Chuyên:.....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Trả lời Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của Quý Bộ về việc góp ý dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sau đây gọi là dự thảo Luật), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

K/c:  
- DT  
- A.X.G.  
- LPQT (7/6)  
- C.S.O.  
- P.K.T.  
- T.C.G.  
- K.T.P.  
- T.C.C.B.  
- V.P.  
- T.C.  
03/4/15

1. Bộ Tư pháp nhận thấy, điều ước quốc tế có vị trí, vai trò quan trọng, được ưu tiên áp dụng trong trường hợp quy định khác so với văn bản quy phạm pháp luật trong nước, kể cả luật của Quốc hội. Do đó, quy trình về ký kết điều ước quốc tế cần được quy định chặt chẽ bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao tổ chức thực hiện hiệu quả, thu hút rộng rãi sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức tương ứng như với quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong nước trừ những vấn đề đặc biệt thuộc bí mật đàm phán. Với vị trí pháp lý quan trọng như vậy của điều ước quốc tế, dự thảo Luật cần được hoàn thiện trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 (Luật Điều ước 2005) và kinh nghiệm quốc tế. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cho rằng, dự thảo Luật cần xác định rõ ràng văn bản nào là Điều ước quốc tế của Việt Nam và văn bản nào không là Điều ước quốc tế. Khi đã là Điều ước quốc tế thì phải tuân theo một quy trình điều ước quốc tế chuẩn thống nhất trong đó cần làm rõ 04 giai đoạn: gồm nội dung cụ thể là (i) chuẩn bị đàm phán điều ước quốc tế; (ii) tổ chức đàm phán điều ước quốc tế; (iii) ký, gia nhập, phê duyệt và phê chuẩn điều ước quốc tế; (iv) tổ chức thực hiện điều ước quốc tế.

Về nguyên tắc, Bộ Tư pháp ủng hộ có quy trình rút gọn, nhưng chỉ nên áp dụng ở mức độ thực sự cần thiết và tuân theo những nguyên tắc, điều kiện nhất định.

2. Về vấn đề chuyên hóa điều ước quốc tế vào quy định pháp luật trong nước, dự thảo Luật đã không có quy định này (vấn đề này được quy định tại Điều 6 của Luật Điều ước 2005). Tuy nhiên, ngay cả theo quy định hiện hành của Luật thì việc chuyên hóa này cũng chưa được quan tâm thực hiện, làm giảm đáng kể việc tham gia của Việt Nam vào các điều ước quốc tế. Việc thiếu quy định về chuyên hóa điều ước quốc tế vào quy định pháp luật trong nước sẽ làm



trầm trọng hơn tình trạng ký hoặc gia nhập nhưng không thực hiện điều ước quốc tế với một thực thể là cơ quan nhà nước, kể cả tòa án, chỉ áp dụng pháp luật trong nước. Do đó, Bộ Tư pháp đề xuất dự thảo Luật quy định theo hướng việc áp dụng điều ước quốc tế cần phải được chuyển hóa vào pháp luật trong nước. Tuy nhiên, việc chuyển hóa cần có các tiêu chí để đảm bảo sự linh hoạt, chẳng hạn, đối với điều ước có thể áp dụng được ngay, cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn/phê duyệt sẽ ban hành một văn bản phê chuẩn/phê duyệt cùng với nội dung về việc thực hiện điều ước quốc tế (tương tự như kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Canada). Nội dung của văn bản này có thể đơn giản hay phức tạp tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của điều ước quốc tế tới hệ thống pháp luật Việt Nam. Hiện nay, dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng dự kiến quy định việc phê duyệt, phê chuẩn điều ước quốc tế phải được thực hiện bằng một văn bản quy phạm pháp luật. Đối với các điều ước quốc tế không thể áp dụng được ngay, chẳng hạn có quy định trái pháp luật Việt Nam, việc thực hiện cần huy động nguồn lực lớn, ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội... thì cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới để thực hiện. Về thời điểm thực hiện việc chuyển hóa, Bộ Tư pháp đề nghị nên thực hiện vào thời điểm phê duyệt hoặc phê chuẩn bảo đảm nguyên tắc cùng có hiệu lực đồng thời.

3. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), Bộ Tư pháp nhất trí với phương án 2: *“Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế”* nhằm đảm bảo mục tiêu các quy định liên quan đến điều ước quốc tế của Việt Nam được thống nhất quy định tại một văn bản quy phạm duy nhất. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cần nhắc việc liệt kê quá chi tiết, cụ thể như trong dự thảo Luật.

4. Về điều ước quốc tế liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (điểm c khoản 1 Điều 4), đề nghị điều chỉnh thành *“điều ước quốc tế có bản chất, mục tiêu và nội dung chính là điều chỉnh vấn đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”* nhằm đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Liên quan đến mối quan hệ giữa dự thảo Luật điều ước và Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007, theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Pháp lệnh, thỏa thuận quốc tế chỉ có giá trị ràng buộc đối với cơ quan đã ký kết thỏa thuận quốc tế; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, theo pháp luật quốc tế, việc các Bộ, ngành, địa phương ký thỏa thuận quốc tế cũng được coi là cam kết của

Chính phủ, Nhà nước. Hơn nữa, trên thực tế, khi phát sinh tranh chấp giữa Bộ, ngành, địa phương với đối tác nước ngoài đều làm phát sinh trách nhiệm của Chính phủ. Mặt khác, theo quy định của Hiến pháp 2013 “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*” (khoản 3 Điều 2). Như vậy, các cam kết của Bộ, ngành, địa phương cũng được coi là cam kết của Nhà nước, Chính phủ. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét mối liên hệ giữa dự thảo Luật này với Pháp lệnh.

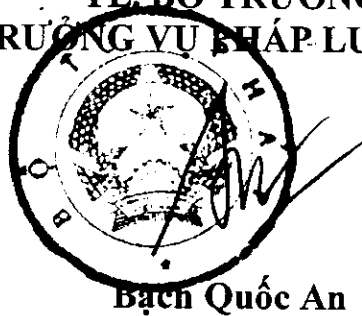
6. Về các vấn đề cụ thể liên quan đến dự thảo Luật, đề nghị xem Phụ lục đính kèm.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), xin gửi đề Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu: VT, PLQT(P).

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**Q. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ**



**Bạch Quốc An**

PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO  
LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ (Dự thảo ngày 11/02/2015)

*(Đính kèm Công văn số 1032/BTP-PLQT ngày 03 tháng 4 năm 2015)*

1. Về thẩm quyền quyết định đàm phán (Điều 10), đề nghị quy định phù hợp với Hiến pháp năm 2013 liên quan đến thẩm quyền của Chủ tịch nước (Điều 88), Chính phủ (Điều 96), Thủ tướng Chính phủ (Điều 98) đối với công tác điều ước quốc tế.

2. Về quy định liên quan đến các điều ước quốc tế trái với Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tư pháp nhất trí với phương án quy định các điều ước quốc tế này thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội (Phương án 2 Khoản 1 của Điều 29 của dự thảo Luật) nhằm đảm bảo có phương án xử lý do theo Hiến pháp năm 2013, UBTVQH không có chức năng liên quan tới điều ước quốc tế.

3. Về việc lấy ý kiến của các cơ quan về đề xuất đàm phán điều ước quốc tế (khoản 3 Điều 9), đề nghị bổ sung quy định liên quan đến việc lấy ý kiến của Bộ Tư pháp trong quá trình đề xuất đàm phán điều ước quốc tế. Bởi vì, trong giai đoạn này cần đảm bảo tính pháp lý trong việc đề xuất đàm phán điều ước quốc tế và liên quan đến nội dung thẩm định điều ước quốc tế.

4. Về thời điểm kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế, Bộ Tư pháp đề nghị đưa quy định về kiểm tra, thẩm định vào giai đoạn cơ quan đề xuất trình về việc ký điều ước quốc tế, theo đó nội dung tại Mục 3 Chương II (Kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế) cần được nhập vào Mục 2 (Đề xuất ký điều ước quốc tế).

5. Về Mục 3 của Chương II (Kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế), đề nghị gộp Mục 3 vào Mục 2 như đề cập tại Mục 1.5 nêu trên. Bên cạnh đó, đề nghị cân nhắc những nội dung sau đây:

- Dự thảo Luật đưa ra khái niệm “kiểm tra đề xuất ký điều ước quốc tế” (Điều 16) và “thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế” (Điều 18), đề nghị điều chỉnh theo hướng “kiểm tra điều ước quốc tế” và “thẩm định điều ước quốc tế”. Bởi vì phạm vi kiểm tra và thẩm định điều ước quốc tế là xem xét tổng thể các vấn đề liên quan đến điều ước quốc tế, chứ không chỉ dừng ở việc xem xét đề xuất ký điều ước quốc tế.

- Về hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế (Điều 19), đề nghị bổ sung vào hồ sơ thẩm định ý kiến của đơn vị pháp chế của cơ quan đề xuất về tính tương thích giữa điều ước quốc tế và pháp luật trong nước.

Về số lượng hồ sơ đề nghị thẩm định (đoạn cuối của Điều 19), Bộ Tư pháp nhất trí với Phương án 2 (số lượng hồ sơ gửi thẩm định là 03 bộ).

6. Về Điều 22 (Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế), bên cạnh việc rà soát, đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản tiếng nước ngoài để đảm bảo tính chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức, dự thảo bản tiếng Việt

cũng cần đảm bảo tính chính xác và chặt chẽ về ngôn ngữ pháp lý, do đó, đề nghị bổ sung thêm quy định về việc cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Tư pháp trong công việc này.

7. Về đề xuất phê chuẩn (Điều 27) và phê duyệt (Điều 36) điều ước quốc tế, đề nghị quy định về lấy ý kiến của Bộ Tư pháp về đề xuất phê chuẩn/phê duyệt điều ước quốc tế.

Về hồ sơ trình phê chuẩn/phê duyệt điều ước quốc tế (Điều 35, Điều 39), đề nghị bổ sung nội dung Hồ sơ trình Dự thảo Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế.

8. Về quy định liên quan đến các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn (Điều 28) và thẩm quyền, nội dung quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế (Điều 29), Bộ Tư pháp nhất trí với phương án 2, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm hạn chế khoảng trống pháp luật.

9. Đề nghị nhập Mục 6 (Phê chuẩn điều ước quốc tế) và Mục 7 (Phê duyệt điều ước quốc tế) Chương II của dự thảo Luật thành một mục chung liên quan đến việc phê chuẩn và phê duyệt điều ước quốc tế vì nội dung tại hai mục này có nhiều điểm tương đồng về quy trình.

10. Về Chương III (Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên), nội dung của Chương này có nhiều quy định dẫn chiếu đến quy định tại Chương II (Ký kết điều ước quốc tế). Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị bỏ Chương III và đưa các nội dung đặc thù của việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên (ví dụ như vấn đề bảo lưu) thành một điều (kết hợp với khoản 9 Điều 14) và được đưa vào Chương II của dự thảo Luật.

11. Về Chương II (Ký kết điều ước quốc tế), do nhập Chương II với Chương III (Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên), nên tên gọi của Chương II sẽ là Ký kết, gia nhập điều ước quốc tế.

Nội dung của Chương II sẽ bao gồm: (i) Mục 1 (Đề xuất đàm phán) gồm các Điều 9, 10, 11; (ii) Mục 2 (Tổ chức đàm phán): đề nghị bổ sung các nội dung có liên quan đến tổ chức đàm phán điều ước quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 98 của Hiến pháp năm 2013; (iii) Mục 3 (Ký điều ước quốc tế) bao gồm: đề xuất ký điều ước quốc tế (Điều 12, 13, 15, 14<sup>1</sup>, 22, 16, 17, 18, 19) và tổ chức ký điều ước quốc tế (Điều 23<sup>2</sup>, 24, 25, 26); Mục 4 (Phê chuẩn, phê duyệt) gồm các điều từ Điều 27 đến Điều 39, điều mới về gia nhập điều ước quốc tế; Mục 5 (Ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế) bao gồm: Điều 20, 21; Mục 6 (Tổ chức thực hiện) gồm từ Điều 59 đến Điều 62.

12. Về tên của Chương V (Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế) đề nghị sửa đổi như sau: "*Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ thực hiện, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế*".

<sup>1</sup> Đảo vị trí của Điều 14 và Điều 15

<sup>2</sup> Cần nhắc bổ sung quy định về ủy quyền ký

Bên cạnh đó, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế cần thực hiện theo quy trình thống nhất được quy định tại Chương II của dự thảo Luật.

13. Về Chương VI (Lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký điều ước quốc tế), đề nghị cân nhắc một số nội dung sau:

- Điều 56 của dự thảo Luật (Sao lục điều ước quốc tế), đề nghị cân nhắc bổ sung quy định “*Bộ Ngoại giao cấp sao lục điều ước quốc tế cho các tổ chức, cá nhân theo các quy định của pháp luật liên quan*” để đảm bảo quyền lợi của cá nhân, tổ chức khi tham gia tố tụng tại Tòa án (hiện nay trong một số vụ tranh chấp, Tòa án yêu cầu đương sự cung cấp bản sao lục điều ước quốc tế).

- Điều 57 của dự thảo Luật (Công bố điều ước quốc tế), đề nghị bổ sung quy định công bố trên Công báo và Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao và cơ quan đề xuất vì Bộ Ngoại giao là cơ quan lưu trữ điều ước quốc tế.

14. Về Điều 60 (Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế), đề nghị sửa khoản 1 của Điều này cụ thể như sau: “*Sau khi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, các cơ quan tổ chức liên quan, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế*”.

15. Về Điều 62 (Giải thích điều ước quốc tế), đề nghị cân nhắc quy định liên quan đến thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ trong việc giải thích điều ước quốc tế vì Hiến pháp không quy định vấn đề này.

16. Về Chương IX (Trình tự, thủ tục rút gọn), để đảm bảo quy trình thống nhất về điều ước quốc tế như đã nêu tại Mục I.1.1 nêu trên, đề nghị quy định về trình tự, thủ tục dẫn rút gọn chiếu đến quy định tại Chương II (Ký kết điều ước quốc tế). Về nội dung, phạm vi và thẩm quyền áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, đề nghị cân nhắc một số nội dung như sau:

- Đề nghị gộp Điều 69 (Áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn) và Điều 71 (Đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn) thành 1 điều cụ thể với các nội dung cơ bản sau: (i) phạm vi áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn: chỉ áp dụng với các bước đề xuất đàm phán, tổ chức đàm phán và đề xuất ký điều ước quốc tế; (ii) nội dung áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn: rút gọn bằng cách gộp các bước (đề xuất đàm phán, ký như quy định của Luật điều ước quốc tế năm 2005), rút gọn các thời hạn về thời gian; (iii) trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn: nhằm phục vụ nhu cầu đối ngoại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Về Điều 70 (Thẩm quyền áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn), đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng: đối với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thì Chủ tịch nước có thẩm quyền và đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ thì Chính phủ có thẩm quyền.

- Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 71 của dự thảo Luật quy định về trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, trong đó có quy định tại mục a: “*Trước khi trình Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế,*

*cơ quan đề xuất cần lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, không nhất thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan khác”, Bộ Tư pháp đề nghị cần bổ sung thêm quy định về lấy ý kiến của Bộ Tư pháp, bởi vì thủ tục rút gọn liên quan đến các vấn đề pháp lý.*

17. Đề nghị duy trì các quy định về thời hạn góp ý, kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế để đảm bảo hiệu quả của việc triển khai thực hiện các quy trình thủ tục liên quan đến việc ký kết, gia nhập điều ước quốc tế.

18. Đề nghị tiếp tục hoàn thiện các vấn đề kỹ thuật của dự thảo Luật, cụ thể như sau:

- Cân nhắc thống nhất khái niệm: “cơ quan đề xuất” (khoản 3 Điều 9) và “cơ quan trình” (điểm a khoản 1 Điều 11).

- Thống nhất cách gọi CHXHCN Việt Nam và Việt Nam.

- Đề nghị điều chỉnh “bản sao điều ước quốc tế” (khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 1 Điều 43) thành “dự thảo điều ước quốc tế” vì giai đoạn đề xuất ký mới chỉ thẩm định dự thảo điều ước quốc tế.

- Đề nghị bỏ quy định tại khoản 3 Điều 12 vì nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 9.

- Đề nghị bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 71 theo hướng “...trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi nhận đủ được hồ sơ lấy ý kiến, kiểm tra, thẩm định của cơ quan đề xuất./

**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **587**/BXD-HTQTHà Nội, ngày **25** tháng **3** năm **2015**V/v xin ý kiến góp ý đối với  
dự thảo Luật ĐUQT (sửa đổi)

<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số:..... <b>8939</b> .....
	Ngày:..... <b>27/3/15</b> .....
Chuyên:.....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Bộ Xây dựng nhận được công văn số 477/BNG-LPQT ngày ~~13/02/2015~~ của Bộ Ngoại giao về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (ĐUQT) sửa đổi. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có góp ý như sau:

Dự thảo Luật ĐUQT (dự thảo 4) sửa đổi Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT năm 2005 đã được biên soạn theo hướng rút gọn thủ tục, rõ ràng; loại bỏ những nội dung không phù hợp và những quy định trùng lặp tại các điều khoản; bổ sung điều chỉnh nội dung mới phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013.

Tuy nhiên để hoàn thiện dự thảo Luật ĐUQT, Bộ Xây dựng có góp ý như sau:

- Đối với Điều 1, đề nghị chọn phương án 1.

- Đối với Điều 8, khoản 1, đề nghị nhóm các văn bản quy phạm pháp luật về ĐUQT vào một nhóm, cụ thể:

- Các mục a, d, h vào một nhóm
- Các mục b, c, đ, e, g, i, k vào một nhóm

- Đối với Điều 19, đề nghị chọn phương án 2

- Đối với điều 28, khoản 3, đề nghị chọn phương án 2

- Đối với điều 28, khoản 4 đề nghị chọn phương án 2

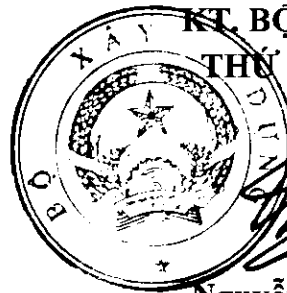
- Đối với điều 29, đề nghị chọn phương án 2

- Đối với điều 41, khoản 1, đề nghị chọn phương án 2

Trên đây là góp ý của Bộ Xây dựng. Đề nghị Bộ Ngoại giao nghiên cứu, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HTQT.



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Trần Nam

**BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1690/BYT-QT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

V/v: góp ý dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 8076.....  
**ĐẾN** Ngày: 20/3/15...  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Kc.

- AX/oa

- LPQT (gđ)

- VP

- Kc

VP, 20/3/15

Kc

Phúc đáp công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của quý Bộ về việc góp ý cho dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế (sửa đổi), Bộ Y tế có ý kiến như sau:

1. Vấn đề xác định vị trí, thứ bậc của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật của điều ước quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam:

Khoản 1 điều 7 dự thảo Luật quy định “1. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.” Nội dung này phù hợp với điều 27 của Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế (nguyên tắc pacta sunt servanda).

Tuy nhiên, đối chiếu với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì dự thảo Luật chưa xác định vị trí, thứ bậc của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật của điều ước quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 quy định về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm 11 nhóm văn bản quy phạm pháp luật dựa trên cơ sở tiêu chí phân loại chủ thể có quyền ban hành, trong đó tại khoản 1 điều 2 đã xác định rõ “Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội” là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội với tư cách là cơ quan quyền lực cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.

Điều 119 Hiến pháp năm 2013 quy định “1. Hiến pháp là luật cơ bản của nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý.”

Như vậy, dự thảo Luật chưa giải quyết được nội dung cơ bản đó là xác định được vị trí của điều ước quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, xét cả trên phương diện khoa học pháp lý cũng như luật thực định. Dự thảo Luật chưa giải quyết được điểm nghẽn, nút thắt đã tồn tại từ lâu trong việc giải quyết một cách thấu đáo trong dự thảo Luật Điều ước quốc tế, đó là điều ước quốc tế có vị trí như thế nào so với Hiến pháp?

Một vấn đề khác đó là dự thảo Luật vẫn chưa giải quyết là nếu trong quá trình đàm phán, ký kết điều ước quốc tế mà phát sinh vấn đề trái với quy định



của Hiến pháp thì xử lý như thế nào? Dự thảo Luật chưa có quy định nào để giải quyết vấn đề này. Xét trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực, hoàn toàn có thể xảy ra khả năng là Việt Nam sẽ phải đối mặt với những điều ước quốc tế có nội dung trái Hiến pháp.

2. Về vấn đề áp dụng trực tiếp quy định của điều ước quốc tế: Bộ Y tế đề nghị giữ nguyên quy định tại Luật điều ước quốc tế năm 2005 (Khoản 3 điều 6) để đảm bảo tính toàn diện của quy định pháp luật, phù hợp với nội dung Công ước Viên 1969 của Liên hợp quốc về điều ước quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế về phương thức áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế với tư cách là phương thức đang ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới hiện nay.

3. Đề nghị bổ sung “hoạt động giải thích điều ước quốc tế” vào nội hàm của công tác quản lý nhà nước về điều ước quốc tế để phù hợp với quy định tại Điều 62 dự thảo Luật.

4. Đề nghị làm rõ các trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong các lĩnh vực cụ thể như tài chính, môi trường...

5. Đề nghị đơn vị soạn thảo thiết kế một điều tại Chương VI quy định về thiết lập, vận hành cơ sở quốc gia về điều ước quốc tế cũng như chia sẻ thông tin về điều ước quốc tế. Trong đó đặt vai trò trung tâm là Bộ Ngoại giao, các Bộ ngành, cơ quan có liên quan trong đề xuất đàm phán điều ước quốc tế, bởi trên thực tế thực thi công tác quản lý nhà nước về điều ước quốc tế vẫn đang tồn tại khoảng trống trong vấn đề trên.

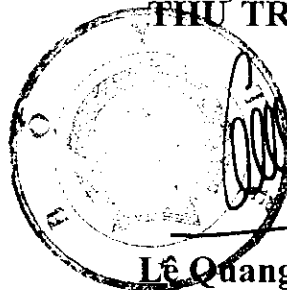
6. Đề nghị làm rõ các quy định tại điều khoản chuyên tiếp tại Điều 83 dự thảo Luật.

Bộ Y tế xin thông báo để quý Bộ tổng hợp thông tin.

**Nơi nhận:**

- Như trên; ✓
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quang Cường**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 186 /HVCTQG-VP  
V/v góp ý Dự thảo Luật Điều ước quốc tế  
(sửa đổi)

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

**BỘ NGOẠI GIAO**

Số: 6880.....  
**ĐẾN** Ngày: 11/3/15.....  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

K/c,  
- LPQT (g)g)  
- ke  
VP, 11/3/15  
kt

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13-02-2015 của Bộ Ngoại giao về việc góp ý Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Học viện nhất trí với nội dung Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi) do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo.

Học viện trân trọng thông báo tới các đồng chí.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PC. *shu*

**TL. GIÁM ĐỐC  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



*Phạm Thị Thành*  
**Phạm Thị Thành**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1341 /NHNN-PC  
V/v Góp ý dự thảo  
Luật ĐUQT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

BỘ NGOẠI GIAO	
Số: 6822	Ngày: 11/3/15
Chuyên: .....	

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-PLQT ngày 13/2/2015 của Bộ Ngoại giao

về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến góp ý như sau:

**1. Điều 1:** Về phương án 1, việc đề xuất điều ước quốc tế về ODA, hoặc vay nước ngoài không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật, và nội dung thuyết minh cho đề xuất này là chưa phù hợp về hình thức, nội dung và phạm vi điều chỉnh, và việc quản lý thực hiện trong thực tế, đặc biệt là đối với các hiệp định vay ký giữa Nhà nước CHXHCN Việt Nam với Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), với các lý do sau:

- Về hình thức: WB và ADB là các tổ chức quốc tế và là chủ thể của luật pháp quốc tế. Theo quy định của WB và ADB, các hiệp định vay phải được ký giữa đại diện của WB/ADB với đại diện của Nhà nước CHXHCNVN, và được gọi là điều ước quốc tế. Mỗi hiệp định vay đã ký đều được WB/ADB làm thủ tục đăng ký với Ban thư ký của Liên hợp quốc theo các quy định tổ chức này về ký kết điều ước quốc tế.

- Về nội dung và phạm vi điều chỉnh: Việc ký các hiệp định vay không chỉ đơn thuần làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vay nợ của Nhà nước Việt Nam với WB/ADB mà còn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ khác của Việt Nam với tư cách của một nước hội viên trong việc tuân thủ các chính sách/ quy định có liên quan của WB/ADB (ví dụ: cơ chế chia sẻ thông tin, các chuẩn trong chính sách hoạt động về môi trường, xã hội; quy định về chống tham nhũng..) mà không đơn thuần chỉ là nội dung về quản lý nợ công theo Luật Quản lý nợ công.

- Về quản lý thực hiện: Việc chuyển đổi trọng điều chỉnh là điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi sang Luật quản lý nợ công sẽ dẫn đến các quy định về quản lý việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế không mang tính tổng thể mà bị tản mát trong nhiều văn bản, dẫn đến khó khăn trong quản lý tập trung công tác ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; khó tham chiếu.

Xuất phát từ các lý do trên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thấy rằng phương án 1 như đề xuất tại dự thảo là không phù hợp. Bên cạnh đó, đề nghị xây dựng một chương quy định về ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi theo quy trình rút gọn (tương tự như quy định tại Chương IX dự thảo) để đảm bảo phù hợp với tính đặc thù riêng của loại điều ước quốc tế này. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị có buổi làm việc cụ thể với Quý Bộ để xây dựng các quy định chi tiết liên quan đến vấn đề này.

**2. Điều 3 khoản 5:** Đề nghị bỏ đoạn “*đồng thời có quyền đòi hỏi thành viên khác cũng phải tuân thủ điều ước đó*”, vì nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.

**3. Điều 12:** Dự thảo tách bạch quy trình đàm phán và ký điều ước quốc tế, theo đó, việc kiểm tra, thẩm định dự thảo điều ước quốc tế chỉ cần thực hiện ở giai đoạn đề xuất ký điều ước quốc tế, bao gồm cả trường hợp đề xuất ký sau khi đã kết thúc đàm phán. Tuy nhiên, trên thực tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế ký với ADB/WB, dự thảo điều ước quốc tế đã được hai bên thống nhất trong đàm phán sẽ khó điều chỉnh (nếu điều chỉnh thì cần tuân thủ theo một quy trình chặt chẽ tương tự như đàm phán). Như vậy, nếu quá trình thẩm định/kiểm tra làm phát sinh yêu cầu cần phải sửa đổi dự thảo điều ước quốc tế đã được đàm phán sẽ dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện. Do vậy, đề nghị Quý Bộ xây dựng quy định cụ thể cho các trường hợp này để đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

**4. Điều 19:** Nội dung của văn bản đề nghị thẩm định có nhiều điểm trùng với nội dung Tờ trình đề xuất ký ĐUQT quy định tại Điều 14 dự thảo. Đề nghị lược bỏ những nội dung đã được nêu tại Tờ trình đề xuất ký ĐUQT.

**5. Điều 22:** Nhiều trường hợp ký tắt được tiến hành ngay tại đàm phán nên nên không đủ thời gian để cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ

quan nhà nước rà soát theo đường văn thư hành chính thông thường. Trong đoàn đàm phán có đại diện của Bộ Ngoại giao nên đề nghị Ban soạn thảo xây dựng quy định này theo hướng trao quyền rà soát và đối chiếu văn bản điều ước quốc tế cho đại diện của Bộ Ngoại giao và các cơ quan trong đoàn đàm phán, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký tắt.

**6. Điều 23:** Trên thực tế nhiều trường hợp không có điều kiện tổ chức lễ ký điều ước quốc tế. Do vậy, đề nghị bổ sung quy định về việc ký trao tay (không tổ chức lễ ký).

**7. Điều 28:** Đề nghị cân nhắc trường hợp điều ước quốc tế ký nhân danh nhà nước mà có yêu cầu phê chuẩn mới phải tiến hành thủ tục phê chuẩn. Lý do là trong một số trường hợp điều ước quốc tế ký nhân danh Nhà nước nhưng bên ký kết nước ngoài không yêu cầu cần phê chuẩn mà có hiệu lực ngay sau khi hai bên hoàn thành đồng ý.

**8. Chương V:** Nhiều điều ước quốc tế hết hạn mà không cần phải thực hiện các thủ tục chấm dứt hiệu lực. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định này.

#### **9. Về kỹ thuật soạn thảo văn bản:**

- Đề nghị rà soát lại ngôn ngữ trong dự thảo để đảm bảo phù hợp với ngôn ngữ của một văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ, “điều ước quốc tế có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực” (Điều 71), “trường hợp việc gia hạn, chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế *thuần túy mang tính chất kỹ thuật*, cơ quan đề xuất *không nhất thiết* phải lấy ý kiến (Điều 73).

- Điều 2 khoản 12: Định nghĩa “*Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên là điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước CHXHCN Việt Nam*” chưa phải là một cách định nghĩa căn cứ vào nội hàm khái niệm. Mặt khác, cách định nghĩa trên dẫn đến yêu cầu cần định nghĩa khái niệm “*điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước CHXHCN Việt Nam*”.

#### **10. Một số vấn đề khác:**

- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế có đối tượng điều chỉnh khá rộng, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, dự thảo Luật còn có

nhiều nội dung chưa đạt được sự đồng thuận của các bên. Do vậy, đề nghị Bộ Ngoại giao tiến hành điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý của các bên và gửi lại để các bên tiếp tục có ý kiến.

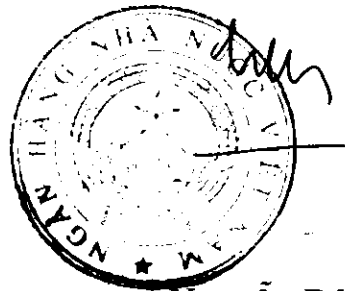
- Trước khi hoàn thiện lần cuối dự thảo Luật, đề nghị Bộ Ngoại giao tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến góp ý làm cơ sở để các cơ quan có thể thảo luận sâu hơn về những vấn đề còn chưa thống nhất.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Quý Bộ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thống đốc (để báo cáo);
- Vụ HTQT;
- Lưu: VP, PC.

**K. THÔNG ĐỐC,**  
**PHÓ THÔNG ĐỐC**



**Nguyễn Đông Tiến**

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ~~441~~ TTCP-HTQTV/v góp ý đối với dự thảo  
Luật ĐUQT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế)

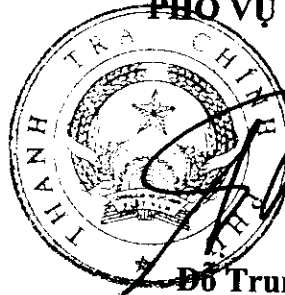
Trả lời văn bản số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Bộ Ngoại giao về việc xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ cơ bản nhất trí với nội dung bản dự thảo. Thanh tra Chính phủ tham gia góp ý trực tiếp một số nội dung trong bản dự thảo để Bộ Ngoại giao tham khảo và tiếp tục hoàn thiện./.

Thanh tra Chính phủ trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Bộ Ngoại giao.

Nơi nhận: ~~Phụ~~

- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó TTTC Trần Đức Lượng (để b/c);
- Lưu: VT, HTQT.

TL. TỔNG THANH TRA  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đỗ Trung Kiên

**LUẬT**  
**ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**  
(sửa đổi Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005)

**MỤC LỤC**

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Giải thích từ ngữ
- Điều 3. Nguyên tắc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế
- Điều 4. Danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế
- Điều 5. Chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế
- Điều 6. Ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế
- Điều 7. Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước
- Điều 8. Quản lý nhà nước về điều ước quốc tế

**CHƯƠNG II**

**KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

**MỤC 1**

**ĐÀM PHÁN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

- Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đàm phán điều ước quốc tế
- Điều 10. Thẩm quyền quyết định đàm phán, tổ chức đàm phán điều ước quốc tế
- Điều 11. Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế

**MỤC 2. ĐỀ XUẤT KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

- Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất ký điều ước quốc tế
- Điều 13. Thẩm quyền, nội dung quyết định ký điều ước quốc tế
- Điều 14. Nội dung tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế
- Điều 15. Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế

**MỤC 3**

**KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

- Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong việc kiểm tra đề xuất ký điều ước quốc tế
- Điều 17. Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế
- Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế
- Điều 19. Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế

**MỤC 4**

**ỦY QUYỀN ĐÀM PHÁN, KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, ỦY NHIỆM THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ**

- Điều 20. Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm
- Điều 21. Đàm phán, ký điều ước quốc tế không cần Giấy ủy quyền, tham dự hội nghị quốc tế không cần Giấy ủy nhiệm

**MỤC 5**

**KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

- Điều 22. Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế
- Điều 23. Ký điều ước quốc tế
- Điều 24. Ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao



Điều 25. Trách nhiệm gửi văn bản điều ước quốc tế sau khi ký

Điều 26. Trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế

#### MỤC 6

##### PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 27. Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế

Điều 28. Các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn

Điều 29. Thẩm quyền, nội dung quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế

Điều 30. Phạm vi thẩm tra điều ước quốc tế

Điều 31. Thẩm quyền thẩm tra điều ước quốc tế

Điều 32. Trình tự, thủ tục thẩm tra điều ước quốc tế

Điều 33. Hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế

Điều 34. Trình tự, thủ tục Quốc hội xem xét, phê chuẩn điều ước quốc tế tại kỳ họp Quốc hội

Điều 35. Hồ sơ trình về việc phê chuẩn điều ước quốc tế

#### MỤC 7

##### PHÊ DUYỆT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 36. Đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế

Điều 37. Các loại điều ước quốc tế phải được phê duyệt

Điều 38. Thẩm quyền, nội dung quyết định phê duyệt điều ước quốc tế

Điều 39. Hồ sơ trình về việc phê duyệt điều ước quốc tế

#### CHƯƠNG III

##### GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NHIỀU BÊN

Điều 40. Trách nhiệm đề xuất gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên

Điều 41. Thẩm quyền, nội dung quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên

Điều 42. Trình tự, thủ tục quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên tại kỳ họp Quốc hội

Điều 43. Hồ sơ trình về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên

#### CHƯƠNG IV

##### BẢO LƯU ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NHIỀU BÊN

Điều 44. Bảo lưu của Việt Nam

Điều 45. Chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài

Điều 46. Thẩm quyền quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài

Điều 47. Trình tự, thủ tục quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài

Điều 48. Rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu

#### CHƯƠNG V

##### HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 49. Hiệu lực của điều ước quốc tế

Điều 50. Áp dụng tạm thời điều ước quốc tế

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

Điều 52. Chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế

Điều 53. Thông báo liên quan đến hiệu lực của điều ước quốc tế

#### CHƯƠNG VI

##### LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ, SAO LỤC, CÔNG BỐ, ĐĂNG KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 54. Lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên

Điều 55. Lưu trữ điều ước quốc tế

Điều 56. Sao lục điều ước quốc tế

Điều 57. Công bố điều ước quốc tế

Điều 58. Đăng ký điều ước quốc tế

#### CHƯƠNG VII

##### THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 59. Trách nhiệm thực hiện điều ước quốc tế

- Điều 60. Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế  
Điều 61. Triển khai kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế  
Điều 62. Giải thích điều ước quốc tế

#### CHƯƠNG VIII

##### THỦ TỤC ĐỐI NGOẠI

- Điều 63. Thủ tục đối ngoại về cấp Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm  
Điều 64. Thủ tục đối ngoại về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế  
Điều 65. Thủ tục đối ngoại về bảo lưu  
Điều 66. Thông báo đối ngoại về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế  
Điều 67. Thông báo đối ngoại về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế  
Điều 68. Thủ tục đối ngoại về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế

#### CHƯƠNG IX

##### TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

- Điều 69. Áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn  
Điều 70. Thẩm quyền quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đàm phán, ký điều ước quốc tế  
Điều 71. Đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn  
Điều 72. Sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn  
Điều 73. Gia hạn, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn

#### CHƯƠNG X

##### TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

- Điều 74. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân  
Điều 75. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao  
Điều 76. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất  
Điều 77. Trách nhiệm giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế  
Điều 78. Phạm vi giám sát, chương trình giám sát  
Điều 79. Các hoạt động giám sát  
Điều 80. Thẩm quyền xem xét kết quả giám sát  
Điều 81. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát

#### CHƯƠNG XI

##### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 82. Kinh phí đảm bảo cho công tác điều ước quốc tế  
Điều 83. Điều khoản chuyên tiếp  
Điều 84. Hiệu lực thi hành

# LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ<sup>1</sup>

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013,  
Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.*

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, **trừ điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài (PAI).**

**PA2:** Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Điều ước quốc tế** là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, **làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo pháp luật quốc tế.**

2. **Giấy ủy quyền** là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một hoặc nhiều người đại diện cho Việt Nam thực hiện một hoặc nhiều hành vi pháp lý liên quan đến việc đàm phán, ký điều ước quốc tế.

3. **Giấy ủy nhiệm** là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một hoặc nhiều người đại diện cho Việt Nam tham dự hội nghị quốc tế để thực hiện một hoặc nhiều hành vi pháp lý liên quan đến việc đàm phán, thông qua văn bản điều ước quốc tế tại hội nghị hoặc thực hiện điều ước quốc tế nhiều bên.

4. **Ký kết** là những hành vi pháp lý do người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế hoặc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế.

5. **Ký** là hành vi pháp lý do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền thực hiện, bao gồm ký điều ước quốc tế không phải phê chuẩn hoặc phê duyệt và ký điều ước quốc tế phải phê chuẩn hoặc phê duyệt.

---

<sup>1</sup> Sửa lại tên Luật cho gọn hơn, tên cũ “Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế” dài và chưa bao quát hết phạm vi điều chỉnh của Luật.

6. *Ký tất* là hành vi pháp lý do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền thực hiện để xác nhận văn bản điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dự định ký là văn bản cuối cùng đã được thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

7. *Phê chuẩn* là hành vi pháp lý do Quốc hội hoặc Chủ tịch nước thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đối với Việt Nam.

8. *Phê duyệt* là hành vi pháp lý do Chính phủ thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đã ký đối với Việt Nam.

9. *Trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế* là việc trao đổi thư, công hàm hoặc văn kiện có tên gọi khác tạo thành điều ước quốc tế hai bên giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

10. *Gia nhập* là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế nhiều bên đối với Việt Nam trong trường hợp Việt Nam không ký điều ước quốc tế đó, không phụ thuộc vào việc điều ước quốc tế này đã có hiệu lực hay chưa có hiệu lực.

11. *Bảo lưu của Việt Nam* là tuyên bố của Việt Nam khi ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhằm loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực pháp lý của một hoặc một số quy định trong điều ước quốc tế khi áp dụng đối với Việt Nam.

12. *Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên* là điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

13. *Chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế* là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để từ bỏ hiệu lực của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

14. *Từ bỏ hoặc rút khỏi điều ước quốc tế* là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để từ bỏ việc chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đối với Việt Nam.

15. *Tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế* là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để tạm dừng thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

16. *Bên ký kết nước ngoài* là quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

17. *Tổ chức quốc tế* là tổ chức liên chính phủ.

### **Điều 3. Nguyên tắc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế**

Việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, cấm sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và những nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật quốc tế;

2. Phù hợp với các quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3. Phù hợp với lợi ích quốc gia, đường lối đối ngoại của Việt Nam;

4. Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ không được trái với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước;

5. Nhà nước Việt Nam tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời có quyền đòi hỏi thành viên khác cũng phải tuân thủ điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 4. Danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký với người đứng đầu Nhà nước khác;

b) Điều ước quốc tế **liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia;**

c) Điều ước quốc tế **trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;**

d) Điều ước quốc tế **liên quan đến tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng;**

đ) Điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

2. Điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Chính phủ trong các trường hợp sau đây:

a) Để thực hiện điều ước quốc tế đã được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước;

b) Điều ước quốc tế về các lĩnh vực, trừ các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

c) Điều ước quốc tế về các tổ chức quốc tế, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

d) Điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Chính phủ theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

#### **Điều 5. Chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế**

Việt Nam chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế bằng một trong những hành vi sau đây:

1. Ký điều ước quốc tế không phải phê chuẩn hoặc phê duyệt;

2. Phê chuẩn điều ước quốc tế;

3. Phê duyệt điều ước quốc tế;

4. Trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế;

5. Gia nhập điều ước quốc tế;

6. Hành vi khác theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

#### **Điều 6. Ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế hai bên phải có văn bản bằng tiếng Việt, trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì trong hồ sơ đề xuất ký kết, gia nhập phải có bản dịch bằng tiếng Việt của điều ước quốc tế đó.

3. Trong trường hợp bảo lưu của Việt Nam, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên thì trong hồ sơ trình phải có dự thảo văn bản liên quan đến bảo lưu, tuyên bố đó bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài được sử dụng để thông báo cho cơ quan lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên.

4. Bản chính điều ước quốc tế hai bên của phía Việt Nam phải được in trên giấy điều ước, đóng bìa điều ước.

### **Điều 7. Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước**

1. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về cùng một vấn đề.

### **Điều 8. Quản lý nhà nước về điều ước quốc tế**

1. Nội dung quản lý nhà nước về điều ước quốc tế bao gồm:

a) Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về điều ước quốc tế;

b) Tổ chức và bảo đảm thực hiện điều ước quốc tế;

c) Tuyên truyền, phổ biến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

d) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành pháp luật về điều ước quốc tế;

đ) Lưu trữ, lưu chiều, sao lục, dịch, công bố và đăng ký điều ước quốc tế;

e) Thống kê, rà soát điều ước quốc tế;

g) Xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

h) Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về điều ước quốc tế;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

k) Hợp tác quốc tế về công tác điều ước quốc tế.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về điều ước quốc tế:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điều ước quốc tế;

b) Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điều ước quốc tế;

c) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện quản lý nhà nước về điều ước quốc tế.

## CHƯƠNG II

### KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

#### MỤC 1

#### ĐÀM PHÁN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

##### **Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đàm phán điều ước quốc tế**

1. Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất) căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, yêu cầu hợp tác quốc tế, chủ động đề xuất với Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế.

2. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan đề xuất với Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

3. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan trước khi trình Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế.

##### **Điều 10: Thẩm quyền quyết định đàm phán, tổ chức đàm phán điều ước quốc tế**

1. Chủ tịch nước quyết định bắt đầu đàm phán, ủy quyền đàm phán, định hướng đàm phán và kết thúc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh nhà nước theo đề nghị của Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định bắt đầu đàm phán, ủy quyền đàm phán, định hướng đàm phán và kết thúc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ theo đề nghị của cơ quan đề xuất.

3. Chính phủ tổ chức đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, tổ chức đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước.

##### **Điều 11. Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế**

1. Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trình nêu rõ sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đàm phán điều ước quốc tế; nội dung chính của điều ước quốc tế; tùy từng trường hợp cụ thể kiến nghị về việc bắt đầu đàm phán, định hướng và phương án đàm phán, kết thúc đàm phán; kiến nghị về ủy quyền đàm phán;

b) Các tài liệu cần thiết khác.

2. Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế thì ngoài các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ trình phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức liên quan, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trường hợp Tờ trình kiến nghị việc kết thúc đàm phán thì hồ sơ trình phải có dự thảo điều ước quốc tế thể hiện phương án kết thúc đàm phán.

#### MỤC 2. ĐỀ XUẤT KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

## **Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất ký điều ước quốc tế**

1. Cơ quan quy định tại **khoản 1 Điều 9** Luật này căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, yêu cầu hợp tác quốc tế, chủ động đề xuất với Chính phủ về việc ký điều ước quốc tế.

2. Trước khi đề xuất ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phải lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan liên quan.

3. Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan đề xuất với Chính phủ về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

## **Điều 13. Thẩm quyền, nội dung quyết định ký điều ước quốc tế**

1. Chủ tịch nước quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo đề nghị của Chính phủ.

2. Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ theo đề nghị của cơ quan đề xuất.

4. **Chủ tịch nước**, Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế bằng văn bản với những nội dung sau đây:

- a) Tên gọi, hình thức, ngôn ngữ và danh nghĩa ký điều ước quốc tế;
- b) Người đại diện, thẩm quyền của người đại diện trong việc ký điều ước quốc tế
- c) Bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên;
- d) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan;
- đ) Những vấn đề cần thiết khác.

## **Điều 14. Nội dung tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế**

Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế phải có những nội dung sau đây:

1. Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất ký điều ước quốc tế;
2. Nội dung chính của điều ước quốc tế;
3. Tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực và việc áp dụng tạm thời điều ước quốc tế;
4. Các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ điều ước quốc tế đối với Việt Nam;
5. Đánh giá tác động chính trị, kinh tế - xã hội và những tác động khác;
6. Đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này;
7. Đánh giá sự phù hợp về nội dung của điều ước quốc tế đó với điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên;
8. Đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;
9. Kiến nghị bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên;



10. **Đánh giá** về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;

11. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với các cơ quan, tổ chức hữu quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.

### **Điều 15. Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế**

1. Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trình, có những nội dung quy định tại Điều 14 của Luật này;

b) Văn bản điều ước quốc tế;

c) Các tài liệu cần thiết khác.

2. Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký điều ước quốc tế thì ngoài các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ trình phải có ý kiến kiểm tra bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý.

## MỤC 3

### KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ<sup>2</sup>

**Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong việc kiểm tra đề xuất ký điều ước quốc tế**

1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra đề xuất ký điều ước quốc tế.

2. Nội dung kiểm tra đề xuất ký điều ước quốc tế bao gồm:

a) Sự cần thiết, mục đích ký điều ước quốc tế trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài;

b) Đánh giá sự phù hợp của điều ước quốc tế với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế;

c) Đánh giá sự phù hợp của điều ước quốc tế với lợi ích quốc gia, đường lối đối ngoại của Việt Nam;

d) Đánh giá sự phù hợp của điều ước quốc tế đó với điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên;

đ) Cấp ký, danh nghĩa ký, tên gọi, hình thức, ngôn ngữ, hiệu lực, kỹ thuật văn bản điều ước quốc tế;

e) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đề xuất ký điều ước quốc tế;

g) Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế bằng tiếng Việt với văn bản điều ước quốc tế bằng tiếng nước ngoài.

<sup>2</sup> Ghép các nội dung về kiểm tra và thẩm định ĐƯQT vào một Mục chung (Mục 2 cũ về Thẩm định).

### **Điều 17. Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế**

Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế bao gồm:

1. Văn bản đề nghị kiểm tra, trong đó có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.

2. Dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề xuất ký điều ước quốc tế.

3. Dự thảo văn bản điều ước quốc tế;

4. Ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

5. Các tài liệu cần thiết khác.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế.

2. Nội dung thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế bao gồm:

a) Tính hợp hiến;

b) Mức độ tương thích với các quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế;

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

3. Trong trường hợp Bộ Tư pháp đề xuất ký điều ước quốc tế hoặc cơ quan khác đề xuất ký điều ước quốc tế nhưng còn nhiều ý kiến khác nhau thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định điều ước quốc tế.

### **Điều 19. Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế**

Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định, trong đó đánh giá tính hợp hiến, mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam; khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;

2. Dự thảo tờ trình Chính phủ về đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế;

3. Bản sao điều ước quốc tế;

4. Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

5. Các tài liệu cần thiết khác.

✓ **PA2:** Bổ sung quy định: “Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là ba bộ” (theo ý kiến của Vụ PLQT Bộ Tư pháp).

## **MỤC 4**

### **ỦY QUYỀN ĐÀM PHÁN, KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, ỦY NHIỆM THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ**

#### **Điều 20. Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm**

1. Trừ các trường hợp quy định tại **Điều 21** của Luật này hoặc theo thỏa thuận khác với bên nước ngoài, việc đàm phán, ký điều ước quốc tế hoặc tham dự hội nghị quốc tế phải có Giấy ủy quyền hoặc Giấy ủy nhiệm được cấp theo quy định tại **Điều 63** của Luật này.

2. Trưởng đoàn đàm phán, ký điều ước quốc tế **nhân danh Nhà nước** phải được Chủ tịch nước ủy quyền bằng văn bản.

3. Trưởng đoàn đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ phải được Chính phủ, **Thủ tướng Chính phủ** ủy quyền bằng văn bản.

4. Trưởng đoàn tham dự hội nghị quốc tế phải được **Thủ tướng** Chính phủ ủy nhiệm bằng văn bản.

Trong trường hợp phải ủy nhiệm cho các thành viên của đoàn Việt Nam tham dự hội nghị quốc tế theo quy định của hội nghị thì cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình **Thủ tướng** Chính phủ quyết định.

5. Người được ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế hoặc ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế phải là lãnh đạo cơ quan đề xuất hoặc là người được cơ quan đề xuất trình Chính phủ, **Thủ tướng Chính phủ** quyết định sau khi đã lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao.

6. Trong trường hợp không cử người đi ký điều ước quốc tế hoặc tham dự hội nghị quốc tế ở nước ngoài thì sau khi thỏa thuận với Bộ Ngoại giao, cơ quan đề xuất trình Chính phủ, **Thủ tướng Chính phủ** quyết định ủy quyền hoặc ủy nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc người đứng đầu phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam tại tổ chức quốc tế, cơ quan thuộc tổ chức này hoặc người đại diện khác ký điều ước quốc tế hoặc tham dự hội nghị quốc tế đó.

#### **Điều 21. Đàm phán, ký điều ước quốc tế không cần Giấy ủy quyền, tham dự hội nghị quốc tế không cần Giấy ủy nhiệm**

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao không cần Giấy ủy quyền khi đàm phán, ký điều ước quốc tế và không cần Giấy ủy nhiệm khi tham dự hội nghị quốc tế.

2. Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài không cần Giấy ủy quyền để đàm phán, thông qua văn bản điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước tiếp nhận.

3. Người đứng đầu phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam tại tổ chức quốc tế hoặc cơ quan thuộc tổ chức này không cần Giấy ủy nhiệm để đàm phán, thông qua văn bản điều ước quốc tế với tổ chức hoặc cơ quan đó.

### MỤC 5

#### KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

#### **Điều 22. Rà soát, đối chiếu văn bản điều ước quốc tế**

Trước khi tiến hành ký tắt điều ước quốc tế, ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước hữu quan rà soát, đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản tiếng nước ngoài để bảo đảm chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức.

#### **Điều 23. Ký điều ước quốc tế**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục ký và văn bản điều ước quốc tế, tổ chức lễ ký điều ước quốc tế.

2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã quyết định cho ký điều ước quốc tế nhưng chưa thể tổ chức ký được thì cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý với Chính phủ, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao để phối hợp.

3. Trong trường hợp có những thay đổi liên quan đến danh nghĩa ký, quyền, nghĩa vụ của bên Việt Nam, quy định trái hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc có những thay đổi cơ bản khác so với nội dung văn bản điều ước quốc tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho ký thì điều ước quốc tế chỉ được ký sau khi có quyết định cho ký của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 24. Ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục ký và văn bản điều ước quốc tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho ký trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao Việt Nam tại nước ngoài hoặc của Đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam.

2. Bộ Ngoại giao chủ trì hoặc phối hợp rà soát, đối chiếu văn bản cuối cùng của điều ước quốc tế, phối hợp với bên nước ngoài tổ chức lễ ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao Việt Nam tại nước ngoài hoặc của Đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên ký kết nước ngoài hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 25. Trách nhiệm gửi văn bản điều ước quốc tế sau khi ký**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản chính điều ước quốc tế, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, bản ghi điện tử nội dung điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài và **giấy ủy quyền của phía nước ngoài** để hoàn thành thủ tục về điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày điều ước quốc tế hai bên được ký ở trong nước hoặc kể từ ngày đoàn đàm phán ký điều ước quốc tế ở nước ngoài về nước.

2. Trong trường hợp người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam tại tổ chức quốc tế ký điều ước quốc tế thì người ký có trách nhiệm báo cáo, gửi ngay bản sao điều ước quốc tế đã ký cho Bộ Ngoại giao và **gửi ngay** bản chính điều ước quốc tế đến cơ quan đề xuất.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản chính điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản sao điều ước quốc tế nhiều bên đã được cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên chứng thực, bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt, bản ghi điện tử nội dung điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài để hoàn thành thủ tục về điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế do cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên gửi đến.

#### **Điều 26. Trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế**

1. Việc trao đổi văn kiện giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài tạo thành điều ước quốc tế hai bên, nếu văn kiện được trao đổi có quy định.

2. Quy định tại các điều từ Điều 9 đến Điều 25 của Luật này được áp dụng đối với việc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế.

## MỤC 6

### PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

#### **Điều 27. Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế**

1. Cơ quan đề xuất trình Chính phủ đề Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong trường hợp điều ước quốc tế đã ký phải được phê chuẩn.

2. Trong trường hợp Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế thì Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp với cơ quan đề xuất gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế đến cơ quan thẩm tra.

#### **Điều 28. Các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn**

Những điều ước quốc tế sau đây phải được phê chuẩn:

1. Điều ước quốc tế có quy định phải phê chuẩn;
2. Điều ước quốc tế được ký nhân danh Nhà nước;

3. Điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội (PA1).

PA2: như PA1 và thêm "hoặc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH".

4. Điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội (PA1).

PA2: Như PA1 và thêm "hoặc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH".

#### **Điều 29. Thẩm quyền, nội dung quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế**

1. Quốc hội quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội (PA1).

PA2: như PA1 và thêm "hoặc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH."

2. Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại Điều 28 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế có những nội dung sau đây:

- a) Tên điều ước quốc tế được phê chuẩn, thời gian và địa điểm ký;

b) Nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên và những vấn đề cần thiết khác;

c) Quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện điều ước quốc tế được phê chuẩn;

d) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan về việc hoàn thành thủ tục phê chuẩn và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế.

### **Điều 30. Phạm vi thẩm tra điều ước quốc tế**

Điều ước quốc tế **trình Quốc hội phê chuẩn** phải được thẩm tra về các nội dung sau đây:

1. Sự cần thiết phê chuẩn điều ước quốc tế;
2. Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế;
3. Tính hợp hiến và mức độ tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
4. Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế;
5. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện điều ước quốc tế.

### **Điều 31. Thẩm quyền thẩm tra điều ước quốc tế**

Ủy ban đối ngoại của Quốc hội là cơ quan chủ trì thẩm tra điều ước quốc tế. Hội đồng dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội có trách nhiệm tham gia thẩm tra điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách hoặc theo sự phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Điều 32. Trình tự, thủ tục thẩm tra điều ước quốc tế**

1. Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp với cơ quan đề xuất gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế đến cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan tham gia thẩm tra điều ước quốc tế chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp để thẩm tra điều ước quốc tế với sự tham gia của cơ quan tham gia thẩm tra và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra.

3. Việc thẩm tra điều ước quốc tế được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Chính phủ thuyết trình về điều ước quốc tế.
- b) Các đại biểu tham dự phiên họp nêu câu hỏi và đại diện Chính phủ trình bày bổ sung;
- c) Đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại phát biểu ý kiến;
- d) Đại diện Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban tham gia thẩm tra và đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- đ) Thành viên Ủy ban đối ngoại thảo luận.

Trong quá trình thẩm tra, đại diện Chính phủ trình bày bổ sung ý kiến để làm rõ vấn đề mà Ủy ban đối ngoại, đại biểu tham dự phiên họp thẩm tra nêu ra hoặc yêu cầu;

e) Chủ tọa phiên họp kết luận; đối với những vấn đề quan trọng và cần thiết thì chủ tọa phiên họp lấy biểu quyết.

4. Báo cáo thẩm tra điều ước quốc tế trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội phải phản ánh đầy đủ ý kiến của thành viên Ủy ban đối ngoại và ý kiến của Hội đồng dân tộc, Ủy ban tham gia thẩm tra.

Báo cáo thẩm tra được gửi đến Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo thời hạn do pháp luật quy định.

### **Điều 33. Hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế**

Hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế bao gồm:

1. Tờ trình của Chủ tịch nước về việc đề nghị phê chuẩn điều ước quốc tế;
2. Bản sao điều ước quốc tế;
3. Các tài liệu cần thiết khác.

### **Điều 34. Trình tự, thủ tục Quốc hội xem xét, phê chuẩn điều ước quốc tế tại kỳ họp Quốc hội**

Quốc hội xem xét, phê chuẩn điều ước quốc tế tại kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau đây:

1. Chủ tịch nước báo cáo về đề nghị phê chuẩn điều ước quốc tế;
2. Đại diện Chính phủ thuyết trình về điều ước quốc tế;
3. Đại diện Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
4. Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về những nội dung cơ bản của điều ước quốc tế; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, Tổ hoặc Đoàn đại biểu Quốc hội có thể thảo luận về nội dung điều ước quốc tế.

Trong quá trình thảo luận, cơ quan đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến nội dung điều ước quốc tế;

5. Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn điều ước quốc tế.

Điều ước quốc tế được phê chuẩn khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực nghị quyết về việc phê chuẩn điều ước quốc tế. Chủ tịch nước ký lệnh công bố nghị quyết của Quốc hội về việc phê chuẩn điều ước quốc tế.

### **Điều 35. Hồ sơ trình về việc phê chuẩn điều ước quốc tế**

1. Hồ sơ trình về việc phê chuẩn điều ước quốc tế bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó đánh giá tác động của điều ước quốc tế đối với Việt Nam; kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;

- b) Bản sao điều ước quốc tế;

- d) Các tài liệu cần thiết khác.

2. Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế thì ngoài các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ trình phải có ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế.

## MỤC 7

### PHÊ DUYỆT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

#### **Điều 36. Đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế**

Cơ quan đề xuất trình Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong trường hợp điều ước quốc tế đã ký phải được phê duyệt.

#### **Điều 37. Các loại điều ước quốc tế phải được phê duyệt**

**Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội theo quy định tại Điều 29 của Luật này, những điều ước quốc tế sau đây phải được phê duyệt:**

1. Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ cố quy định phải phê duyệt;
2. Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định trái với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ;
3. Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ.

#### **Điều 38. Thẩm quyền, nội dung quyết định phê duyệt điều ước quốc tế**

1. Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế quy định tại **Điều 37** của Luật này.
2. Quyết định phê duyệt điều ước quốc tế bao gồm những nội dung tương tự quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế theo quy định tại **khoản 3 Điều 29** của Luật này.

#### **Điều 39. Hồ sơ trình về việc phê duyệt điều ước quốc tế**

Hồ sơ của cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc phê duyệt điều ước quốc tế bao gồm các tài liệu tương tự hồ sơ trình phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 **Điều 35** của Luật này.

## CHƯƠNG III

### GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NHIỀU BÊN

#### **Điều 40. Trách nhiệm đề xuất gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên**

1. Cơ quan đề xuất nêu tại **Điều 9** của Luật này căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, yêu cầu hợp tác quốc tế chủ động đề xuất với Chính phủ về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên.

2. Trước khi đề xuất về việc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phải lấy ý kiến kiểm tra bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.



3. Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan đề xuất với Chính phủ về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

4. Trong trường hợp Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên thì Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp với cơ quan đề xuất gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra đến cơ quan thẩm tra.

#### **Điều 41. Thẩm quyền, nội dung quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên**

1. Trên cơ sở hồ sơ do Chủ tịch nước trình, Quốc hội quyết định gia nhập những điều ước quốc tế nhiều bên sau đây:

a) Điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng;

b) Điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

c) Điều ước quốc tế trái với luật, nghị quyết của Quốc hội (PAI)

PA2: Như PA1 và thêm “hoặc Pháp lệnh của UBTVOH, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc pháp lệnh, nghị quyết của UBTVOH.”

2. Trên cơ sở hồ sơ do Chính phủ trình, Chủ tịch nước quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhân danh Nhà nước, điều ước quốc tế nhiều bên có quy định phải phê chuẩn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trên cơ sở hồ sơ do cơ quan đề xuất trình, Chính phủ quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhân danh Chính phủ, **trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.**

4. Quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên có những nội dung sau đây:

a) Tên điều ước quốc tế được gia nhập, thời gian và địa điểm ký hoặc thông qua;

b) Nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên và những vấn đề cần thiết khác;

c) Quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế được gia nhập;

d) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan về việc hoàn thành thủ tục gia nhập và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế.

#### **Điều 42. Trình tự, thủ tục quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên tại kỳ họp Quốc hội**

Quốc hội quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên tại kỳ họp Quốc hội theo trình tự, thủ tục tương tự quy định tại **Điều 34** của Luật này; trước khi trình Quốc hội thì điều ước quốc tế phải được thẩm tra theo trình tự, thủ tục tương tự quy định tại các điều từ **Điều 30 đến Điều 33** của Luật này.

#### **Điều 43. Hồ sơ trình về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên**

1. Hồ sơ trình về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên bao gồm:

- a) Tờ trình có những nội dung quy định tại **Điều 14** của Luật này;
- b) Bản sao điều ước quốc tế;
- c) Danh sách các thành viên của điều ước quốc tế, văn bản sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế, bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu, tuyên bố của các bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế, thủ tục pháp lý cần thiết và các thông tin khác liên quan đến việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên;
- d) Các tài liệu cần thiết khác.

2. Trong trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên thì ngoài các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ trình phải có ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế.

## **CHƯƠNG IV**

### **BẢO LƯU ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NHIỀU BÊN**

#### **Điều 44. Bảo lưu của Việt Nam**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm nêu rõ kiến nghị đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế, yêu cầu, nội dung, thời điểm tuyên bố bảo lưu trong tờ trình Chính phủ về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế được phép bảo lưu và có điều khoản mà Việt Nam cần tuyên bố bảo lưu.

2. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm nêu rõ kiến nghị chính thức khẳng định lại bảo lưu đối với điều ước quốc tế mà Việt Nam tuyên bố khi ký điều ước quốc tế đó trong tờ trình Chính phủ về việc phê chuẩn hoặc phê duyệt điều ước quốc tế nhiều bên.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế có quyền quyết định việc bảo lưu đối với điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 45. Chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm nêu rõ yêu cầu, nội dung chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài; kiến nghị thời điểm đưa ra chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu và hậu quả pháp lý của việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu trong tờ trình Chính phủ về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế trong trường hợp điều ước quốc tế được phép bảo lưu nhưng phải có sự chấp nhận của các bên ký kết đối với bảo lưu được đưa ra.

2. Trong trường hợp bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế sau khi cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước thì **Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đề xuất ngay khi nhận được thông tin về việc bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế**. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

3. Hồ sơ của cơ quan đề xuất trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan đề xuất có những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

- b) Bản sao điều ước quốc tế;
- c) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan;
- d) Các tài liệu cần thiết khác.

**Điều 46. Thẩm quyền quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài**

1. Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế mà Quốc hội quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập.

2. Chủ tịch nước quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế mà Chủ tịch nước quyết định ký, phê chuẩn hoặc gia nhập.

3. Chính phủ quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế mà Chính phủ quyết định ký, phê duyệt hoặc gia nhập.

Việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu phải được thể hiện bằng văn bản.

**Điều 47. Trình tự, thủ tục quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài**

1. Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế khi quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế đó hoặc sau khi nhận được tờ trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu.

2. Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế khi quyết định ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế đó hoặc trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu.

**Điều 48. Rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu**

1. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình Chính phủ về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đưa ra bảo lưu hoặc phản đối bảo lưu có quyền quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu đó.

Việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu phải được thể hiện bằng văn bản.

3. Hồ sơ trình về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu bao gồm:

a) Tờ trình về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu, hậu quả pháp lý của việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu;

b) Bản sao điều ước quốc tế, bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt;

c) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan;

d) Các tài liệu cần thiết khác.

## CHƯƠNG V

### HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

**Điều 49. Hiệu lực của điều ước quốc tế**

Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam theo thể thức và thời hạn được quy định trong điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

#### **Điều 50. Áp dụng tạm thời điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế hoặc một phần của điều ước quốc tế có thể được áp dụng tạm thời trong thời gian hoàn thành thủ tục để điều ước quốc tế có hiệu lực theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

2. Việc áp dụng tạm thời điều ước quốc tế chấm dứt nếu bên Việt Nam thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc bên ký kết nước ngoài thông báo cho bên Việt Nam về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác hoặc bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài có thỏa thuận khác.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế có quyền quyết định chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế đó.

4. Nội dung và hồ sơ trình về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế được thực hiện tương tự quy định tại các **điều 14 và 15** của Luật này.

#### **Điều 51. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

2. Thẩm quyền, nội dung quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế:

a) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Quốc hội quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập.

b) Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chủ tịch nước quyết định ký, phê chuẩn hoặc gia nhập.

c) Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chính phủ quyết định phê duyệt, gia nhập hoặc ký nhưng không phải phê chuẩn.

3. Quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thể hiện bằng văn bản với những nội dung sau đây:

a) Tên của điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn; thời gian, địa điểm ký và thời điểm có hiệu lực;

b) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thời gian gia hạn điều ước quốc tế;

c) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

4. Trình tự, thủ tục trình, quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

a) Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan trước khi trình Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế.

b) Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại **điểm c khoản 2 Điều này**; trình Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại **điểm b khoản 2 Điều này**.

c) Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại **điểm b khoản 2 Điều này**; trình Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại **điểm a khoản 2 Điều này**.

d) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế tại kỳ họp Quốc hội theo trình tự, thủ tục tương tự quy định tại **Điều 34** của Luật này; trước khi trình Quốc hội thì điều ước quốc tế phải được thẩm tra theo trình tự, thủ tục tương tự quy định tại các điều từ **Điều 30 đến Điều 33** của Luật này.

**5. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm:**

a) Tờ trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;

b) Bản sao điều ước quốc tế;

c) Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan nhà nước hữu quan của Việt Nam;

đ) Các tài liệu cần thiết khác.

Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ thì ngoài các tài liệu nêu trên, hồ sơ trình còn phải có ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý.

**Điều 52. Chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế**

Thẩm quyền, nội dung quyết định, trình tự, thủ tục trình, hồ sơ trình về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế được thực hiện tương tự như đối với việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại **Điều 51**.

**Điều 53. Thông báo liên quan đến hiệu lực của điều ước quốc tế**

Bộ Ngoại giao thông báo cho các cơ quan nhà nước hữu quan các nội dung sau:

1. Thông báo về ngày có hiệu lực của điều ước quốc tế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông tin về việc điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam.

2. Thông báo về ngày có hiệu lực của tuyên bố bảo lưu của Việt Nam, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu đối với điều ước quốc tế nhiều bên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên.

3. Thông báo về ngày chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế, về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày việc chấm dứt áp dụng tạm thời, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế có hiệu lực.

## CHƯƠNG VI

**LƯU CHIỀU, LƯU TRỮ, SAO LỤC, CÔNG BỐ, ĐĂNG KÝ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

**Điều 54. Lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên**

1. Bộ Ngoại giao thực hiện việc lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên trong trường hợp Việt Nam được chỉ định là cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên đó.

2. Nội dung lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên bao gồm:

a) Lưu giữ bản chính của điều ước quốc tế nhiều bên và Giấy ủy quyền;

b) Chứng thực bản sao điều ước quốc tế nhiều bên, lập văn bản điều ước quốc tế nhiều bên bằng các thứ tiếng theo quy định của điều ước quốc tế đó và gửi cho các thành viên điều ước quốc tế, các quốc gia có quyền trở thành thành viên điều ước quốc tế nhiều bên;

c) Tiếp nhận văn bản chữ ký đối với điều ước quốc tế nhiều bên, nhận và lưu giữ văn kiện, thông báo và các thông tin có liên quan đến điều ước quốc tế đó;

d) Kiểm tra tính hợp thức và hợp lệ của các chữ ký, văn kiện, thông báo hoặc thông tin liên quan đến điều ước quốc tế nhiều bên;

đ) Thông báo cho các thành viên điều ước quốc tế nhiều bên và các quốc gia có quyền trở thành thành viên điều ước quốc tế nhiều bên về những văn kiện, thông báo và thông tin liên quan đến điều ước quốc tế đó;

e) Thông báo cho các quốc gia có quyền trở thành thành viên điều ước quốc tế nhiều bên về thời điểm đã nhận hoặc lưu chiếu đủ số lượng văn bản chữ ký, văn kiện phê chuẩn, phê duyệt, chấp thuận hoặc gia nhập để điều ước quốc tế đó có hiệu lực;

g) Đăng ký điều ước quốc tế nhiều bên tại Ban thư ký của Liên hợp quốc.

#### **Điều 55. Lưu trữ điều ước quốc tế**

1. Bộ Ngoại giao lưu trữ bản chính điều ước quốc tế hai bên; bản sao được chứng thực của điều ước quốc tế nhiều bên mà Việt Nam là thành viên; văn kiện phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế, **giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế** và các văn kiện khác có liên quan.

2. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản chính hoặc bản sao được chứng thực và bản dịch bằng tiếng Việt của điều ước quốc tế, **giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế của phía nước ngoài** theo thời hạn quy định tại **Điều 25** của Luật này.

#### **Điều 56. Sao lục điều ước quốc tế**

Bộ Ngoại giao sao lục điều ước quốc tế có hiệu lực gửi Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ để báo cáo, gửi các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện, gửi Văn phòng Chính phủ để đăng Công báo của Việt Nam trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được điều ước quốc tế hai bên có hiệu lực hoặc ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về hiệu lực của điều ước quốc tế nhiều bên đối với Việt Nam.

#### **Điều 57. Công bố điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam **phải** được công bố trên Công báo và **Cổng thông tin điện tử của cơ quan đề xuất**, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp có yêu cầu không công bố điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Chính phủ quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

2. Văn phòng Chính phủ đăng điều ước quốc tế trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi.

3. Cơ quan đề xuất <sup>công bố</sup> đăng điều ước quốc tế trên Công thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn <sup>lăm việc</sup> năm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng cả bản dịch bằng tiếng Việt.

### **Điều 58. Đăng ký điều ước quốc tế**

Bộ Ngoại giao đăng ký tại Ban thư ký của Liên hợp quốc điều ước quốc tế hai bên có hiệu lực đối với Việt Nam và điều ước quốc tế nhiều bên có hiệu lực trong trường hợp Việt Nam là cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên.

## **CHƯƠNG VII**

### **THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

#### **Điều 59. Trách nhiệm thực hiện điều ước quốc tế**

Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 60. Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế**

1. Cơ quan đề xuất căn cứ vào tính chất, nội dung của điều ước quốc tế, nhiệm vụ và quyền hạn được giao trình **Thủ tướng** Chính phủ quyết định kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế bao gồm những nội dung sau đây:

- a) Lộ trình thực hiện điều ước quốc tế;
- b) Dự kiến phân công trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực hiện điều ước quốc tế;
- c) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;
- d) Các biện pháp tổ chức, quản lý, tài chính và các biện pháp cần thiết khác để thực hiện điều ước quốc tế;
- đ) Tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế.

#### **Điều 61. Triển khai kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế**

1. Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đó.

2. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu phát sinh vấn đề liên quan đến việc giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện

điều ước quốc tế thì cơ quan đề xuất tiến hành các thủ tục theo quy định tại các **Điều 51, 52 và 62 của Luật này.**

### **Điều 62. Giải thích điều ước quốc tế**

1. Thẩm quyền quyết định giải thích điều ước quốc tế:

a) Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận và đại biểu Quốc hội quyết định việc giải thích điều ước quốc tế do Quốc hội quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập **(PA1)**;

**(PA2:** Như PA1 và bổ sung “điều ước quốc tế có quy định trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điều ước quốc tế mà để thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội”.

b) Chính phủ tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan đề xuất quyết định việc giải thích điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước và nhân danh Chính phủ, trừ các trường hợp quy định tại **điểm a khoản này.**

2. Quyết định giải thích điều ước quốc tế phải được thể hiện bằng văn bản với **những** nội dung sau đây:

- a) Tên, thời gian và địa điểm ký điều ước quốc tế được giải thích;
- b) Nội dung giải thích điều ước quốc tế;
- c) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

3. Trình tự, thủ tục trình, quyết định giải thích điều ước quốc tế:

a) Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan trước khi trình Chính phủ về việc giải thích điều ước quốc tế.

b) Chính phủ quyết định giải thích điều ước quốc tế quy định tại **điểm b khoản 2 Điều này**; trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích điều ước quốc tế quy định tại **điểm a khoản 2 Điều này.**

c) Chủ tịch nước trình Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích điều ước quốc tế quy định tại **điểm a khoản 2 Điều này.**

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích điều ước quốc tế **do Chủ tịch nước trình theo quy định tại điểm c khoản này (PA2)** bổ sung “**hoặc do Chính phủ trình theo quy định tại điểm b khoản này.**”

4. Hồ sơ trình về việc giải thích điều ước quốc tế bao gồm:

- a) Tờ trình trong đó nêu rõ yêu cầu, căn cứ giải thích điều ước quốc tế, đề xuất nội dung giải thích điều ước quốc tế;
- b) Bản sao điều ước quốc tế;
- c) Đề nghị giải thích điều ước quốc tế của cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan của Việt Nam;
- d) Các tài liệu cần thiết khác.



Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ thì ngoài các tài liệu nêu trên, hồ sơ trình còn phải có ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức hữu quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý.

5. Cơ quan đề xuất thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan về nội dung giải thích điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giải thích điều ước quốc tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## CHƯƠNG VIII THỦ TỤC ĐỐI NGOẠI<sup>3</sup>

### Điều 63. Thủ tục đối ngoại về cấp Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm

1. Bộ Ngoại giao cấp Giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế, Giấy ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế theo quyết định bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ký Giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế, Giấy ủy nhiệm tham dự Hội nghị quốc tế; trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao vắng mặt thì một Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm ký.

3. Trong trường hợp quyết định ủy quyền hoặc quyết định ủy nhiệm chưa xác định rõ người được ủy quyền hoặc được ủy nhiệm, tên đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài của điều ước quốc tế thì chậm nhất là năm ngày, trước ngày đàm phán, ký điều ước quốc tế hoặc tham dự hội nghị quốc tế, cơ quan đề xuất có trách nhiệm thông báo bằng văn bản những thông tin này cho Bộ Ngoại giao để hoàn thành thủ tục cấp Giấy ủy quyền hoặc Giấy ủy nhiệm.

4. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình Chủ tịch nước hoặc Chính phủ, **Thủ tướng Chính phủ** quyết định trong trường hợp có sự thay đổi về người được ủy quyền hoặc người được ủy nhiệm; Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục đối ngoại về cấp Giấy ủy quyền hoặc Giấy ủy nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này sau khi có quyết định của Chủ tịch nước hoặc Chính phủ, **Thủ tướng Chính phủ**.

### Điều 64. Thủ tục đối ngoại về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế

1. Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiểu điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày Chủ tịch nước ký lệnh công bố nghị quyết của Quốc hội về việc phê chuẩn, gia nhập điều ước quốc tế hoặc kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch nước, Chính phủ về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế.

2. Chủ tịch nước ký văn kiện phê chuẩn điều ước quốc tế hai bên. Văn kiện phê chuẩn điều ước quốc tế hai bên có các nội dung quy định tại **điểm a và điểm b khoản 3 Điều 29** của Luật này và các nội dung cần thiết khác.

Bộ Ngoại giao tiến hành thủ tục trao đổi văn kiện phê chuẩn với bên ký kết nước ngoài trong trường hợp điều ước quốc tế hai bên có quy định hoặc có thỏa thuận với bên

<sup>3</sup> Bổ sung Chương này để gộp tất cả các quy định liên quan đến thủ tục đối ngoại đã nêu tại các Điều 24, 41, 47, 53, 55, 59, 60, 64, 84, 96 Luật 2005.

ký kết nước ngoài về việc phải hoàn thành thủ tục trao đổi văn kiện phê chuẩn để điều ước quốc tế có hiệu lực.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ký văn kiện phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên gửi cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao vắng mặt thì một Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được Bộ trưởng ủy nhiệm ký, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên.

### **Điều 65. Thủ tục đối ngoại về bảo lưu**

1. Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan đề xuất thông báo cho cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế về bảo lưu của Việt Nam khi ký điều ước quốc tế đó.

2. Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về bảo lưu của Việt Nam trong văn kiện thông báo về việc phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế có điều khoản mà Việt Nam tuyên bố bảo lưu hoặc phải khẳng định lại bảo lưu đã tuyên bố khi ký điều ước quốc tế đó; thông báo cho cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc gửi thông báo đó cùng với các văn kiện phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ký thông báo đối ngoại về bảo lưu của Việt Nam, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu gửi cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao vắng mặt thì một Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được Bộ trưởng ủy nhiệm ký, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế.

### **Điều 66. Thông báo đối ngoại về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế**

Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài quyết định của bên Việt Nam về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế hoặc trả lời của bên Việt Nam đối với quyết định của bên ký kết nước ngoài về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 67. Thông báo đối ngoại về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế**

1. Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan đề xuất thông báo cho bên ký kết nước ngoài về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp Cơ quan đề xuất thông báo trực tiếp cho phía nước ngoài thì phải thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao ngay sau khi nhận được thông tin về hiệu lực của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế.

### **Điều 68. Thủ tục đối ngoại về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế**

1. Bộ Ngoại giao **phối hợp với cơ quan đề xuất** thông báo cho bên ký kết nước ngoài về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế hai bên đã được ký kết với Việt Nam.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ký thông báo về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế nhiều bên gửi cơ quan lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao vắng mặt thì một Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được Bộ trưởng ủy nhiệm ký, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên.

## CHƯƠNG IX

### TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

#### **Điều 69. Áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Trong trường hợp cần thiết, việc đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế có thể được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Không áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với:

- a) Việc ký kết điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội;
- b) Việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên.

#### **Điều 70. Thẩm quyền quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đàm phán, ký điều ước quốc tế**

1. Chủ tịch nước quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh nhà nước.

2. Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh chính phủ không phải phê chuẩn.

3. Trong trường hợp từ chối áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thể gửi trả lại hồ sơ và yêu cầu cơ quan trình thực hiện quy trình, thủ tục thông thường, hoặc yêu cầu cơ quan trình bổ sung hồ sơ.

#### **Điều 71. Đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Việc đàm phán, ký điều ước quốc tế có thể thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn trong các trường hợp sau đây:

- a) Điều ước quốc tế có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực;
- b) Điều ước quốc tế theo mẫu với cùng một bên nước ngoài;
- c) Điều ước quốc tế để thực hiện một điều ước quốc tế khác của Việt Nam;
- d) Trước khi đàm phán, cơ quan đề xuất đã xác định được nội dung và tập hợp được đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế.
- đ) Để phục vụ nhu cầu đối ngoại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế:

a) Trước khi trình Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất chỉ cần lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, không nhất thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan khác.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến, cơ quan kiểm tra, cơ quan thẩm định về việc ký điều ước quốc tế có trách nhiệm trả lời bằng văn bản **trong thời hạn năm ngày** kể từ khi nhận được hồ sơ lấy ý kiến, kiểm tra, thẩm định của cơ quan đề xuất.

c) Cơ quan đề xuất có thể trình Chính phủ cùng lúc về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế trước khi đàm phán.

d) Trong trường hợp các cơ quan được lấy ý kiến, cơ quan kiểm tra, cơ quan thẩm định đã cho ý kiến trong quy trình đàm phán mà dự thảo điều ước quốc tế đề xuất ký có nội dung không thay đổi so với nội dung đàm phán đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến góp ý, ý kiến kiểm tra, ý kiến thẩm định đối với dự thảo điều ước quốc tế đề xuất ký.

3. Hồ sơ đề xuất đàm phán theo trình tự, thủ tục rút gọn gồm Tờ trình có các nội dung quy định tại **Điều 11** của Luật này và các tài liệu liên quan khác.

4. Hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn gồm:

a) Tờ trình có những nội dung quy định tại **Điều 14** của Luật này;

b) Văn bản điều ước quốc tế;

c) Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan, trừ trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều này;

d) Các tài liệu cần thiết khác.

### **Điều 72. Sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Đối với những sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế tác động không đáng kể đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của Việt Nam, cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến của cơ quan liên quan theo quy định tại **khoản 4 Điều 51** của Luật này trước khi trình Chính phủ.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ định cơ quan sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế thì cơ quan đó quyết định về việc sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định việc Việt Nam chịu sự ràng buộc của điều ước quốc tế đó có quyết định khác.

3. Trong trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định về việc sửa đổi, bổ sung điều ước thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan về nội dung đã được sửa đổi, bổ sung.

4. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn gồm các tài liệu quy định tại **khoản 5 Điều 51** của Luật này, trừ các tài liệu không nhất thiết phải có theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 73. Gia hạn, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Trong trường hợp việc gia hạn, chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế thuần túy mang tính chất kỹ thuật, cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định tại **khoản 4 Điều 51 và Điều 52** của Luật này.

2. Hồ sơ trình về việc gia hạn, chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn gồm các tài liệu quy định tại **khoản 5 Điều 51 và Điều 52** của Luật này, trừ các tài liệu không nhất thiết phải có theo quy định tại khoản 1 Điều này.

## CHƯƠNG X

### TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ<sup>4</sup>

#### **Điều 74. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 75. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**

Trong việc thực hiện quản lý nhà nước về **công tác** điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về **điều ước quốc tế**;

2. Chủ trì tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành pháp luật về **điều ước quốc tế**;

3. Trình Chính phủ kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

4. Báo cáo Chính phủ theo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu; báo cáo Chủ tịch nước theo yêu cầu về **công tác** điều ước quốc tế;

5. Hoàn thành các thủ tục đối ngoại liên quan **đến điều ước quốc tế**;

6. Hoàn thành các thủ tục đối ngoại để bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trong trường hợp bên ký kết nước ngoài vi phạm điều ước quốc tế;

7. Trực tiếp tham gia phục vụ hoạt động ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao Việt Nam ở nước ngoài và của Đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam;

8. Hợp tác quốc tế về **công tác** điều ước quốc tế theo thẩm quyền hoặc theo sự phân công của Chính phủ;

9. Tổ chức lưu trữ, lưu chiếu, sao lục, công bố và đăng ký điều ước quốc tế;

10. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

11. Thống kê, rà soát điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

#### **Điều 76. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất**

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan đề xuất có những trách nhiệm sau đây:

<sup>4</sup> Có ý kiến đề nghị chuyển Điều 8 (Điều 4 cũ) về nội dung quản lý nhà nước về ĐƯQT ở Chương I vào Chương này.

1. Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp trình Chính phủ; kế hoạch hằng năm được gửi đến Bộ Ngoại giao chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 năm trước;

2. Chủ động đề xuất hoàn thành thủ tục pháp lý đối với điều ước quốc tế;

3. Xây dựng lộ trình và biện pháp cụ thể để thực hiện điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam do mình đề xuất ký kết hoặc gia nhập;

4. Chủ trì tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam do mình đề xuất ký kết hoặc gia nhập;

5. Kiến nghị Chính phủ những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trong trường hợp điều ước quốc tế do mình đề xuất ký kết hoặc gia nhập bị vi phạm;

6. Xây dựng báo cáo về tình hình ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp trình Chính phủ chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm. Báo cáo của cơ quan đề xuất được xây dựng theo mẫu do Bộ Ngoại giao quy định.

Trong trường hợp có yêu cầu, cơ quan đề xuất báo cáo về tình hình ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế với Chủ tịch nước, Chính phủ.

**Điều 77. Trách nhiệm giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế**

1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội có trách nhiệm giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Hoạt động giám sát được thực hiện công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

**Điều 78. Phạm vi giám sát, chương trình giám sát**

1. Phạm vi giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế bao gồm:

a) Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

b) Giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế.

2. Giám sát hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế là một nội dung thuộc chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội.

**Điều 79. Các hoạt động giám sát**

1. Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Chủ tịch nước, Chính phủ;

b) Xem xét báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc cho ý kiến đối với việc đàm phán, ký, gia nhập điều ước quốc tế có quy định trái hoặc chưa được quy định trong

văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, điều ước quốc tế mà để thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội;

c) Xem xét điều ước quốc tế đang có hiệu lực do Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký kết, gia nhập có dấu hiệu trái với Hiến pháp;

d) Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Chính phủ;

b) Xem xét tờ trình của Chính phủ về việc đàm phán, ký, gia nhập điều ước quốc tế có quy định trái hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế mà để thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Xem xét điều ước quốc tế đang có hiệu lực do Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký kết, gia nhập có dấu hiệu trái với Hiến pháp;

d) Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội.

3. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Chính phủ thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách hoặc theo sự phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo về các vấn đề liên quan đến hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế mà Hội đồng, Ủy ban quan tâm.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Tổ chức Đoàn giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và việc thực hiện điều ước quốc tế tại địa phương;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương trả lời về những vấn đề liên quan đến hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế mà Đoàn đại biểu Quốc hội quan tâm;

c) Cử đại biểu Quốc hội trong Đoàn tham gia Đoàn giám sát của các cơ quan của Quốc hội giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và việc thực hiện điều ước quốc tế tại địa phương khi có yêu cầu.

5. Đại biểu Quốc hội giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

b) Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và việc thực hiện các điều ước quốc tế tại địa phương.

### **Điều 80. Thẩm quyền xem xét kết quả giám sát**

1. Căn cứ vào kết quả giám sát, Quốc hội có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện điều ước quốc tế;

b) Yêu cầu Chính phủ quyết định hoặc Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định về việc sửa đổi, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế có dấu hiệu trái với Hiến pháp; trong trường hợp quyết định này thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định;

c) Ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn trong trường hợp cần thiết.

2. Căn cứ vào kết quả giám sát, Ủy ban thường vụ Quốc hội có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Chính phủ quyết định hoặc Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định về việc sửa đổi, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế có dấu hiệu trái với Hiến pháp; trong trường hợp quyết định này thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm điều ước quốc tế tại Việt Nam; yêu cầu Chính phủ quyết định hoặc Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm điều ước quốc tế của bên ký kết nước ngoài gây thiệt hại đến lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trong trường hợp quyết định này thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định;

c) Ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn trong trường hợp cần thiết.

3. Căn cứ vào kết quả giám sát, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có các quyền sau đây:

a) Kiến nghị, yêu cầu Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất hoặc quyết định về việc sửa đổi, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế do Chính phủ quyết định ký kết hoặc gia nhập có dấu hiệu trái với Hiến pháp;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm điều ước quốc tế tại Việt Nam; yêu cầu Chính phủ quyết định hoặc trình Chủ tịch nước quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm điều ước quốc tế của bên ký kết nước ngoài gây thiệt hại đến lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trong trường hợp quyết định này thuộc thẩm quyền của Quốc hội thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định.



4. Căn cứ vào kết quả giám sát, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội có các quyền sau đây:

a) Kiến nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;

b) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm điều ước quốc tế tại địa phương.

#### **Điều 81. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm theo quy định tại Luật này và pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội.

### **CHƯƠNG XI**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 82. Kinh phí đảm bảo cho công tác điều ước quốc tế**

Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác.

Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc cấp, sử dụng và quản lý kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác điều ước quốc tế.

#### **Điều 83. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các điều ước quốc tế đã ký trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa có hiệu lực được xử lý như sau:

a) Đối với các điều ước quốc tế chưa tiến hành thủ tục pháp lý nội bộ để có hiệu lực: thực hiện theo quy trình, thủ tục của Luật này.

b) Đối với các điều ước quốc tế đang tiến hành nhưng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ để có hiệu lực: thực hiện theo quy trình, thủ tục của Luật 2005, trừ khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với các điều ước quốc tế mà trước khi Luật này có hiệu lực đã có quyết định cho phép đàm phán nhưng chưa hoàn thành đàm phán thì xử lý như sau: (tiếp tục đàm phán cho đến khi hoàn thành).

3. Đối với các điều ước quốc tế mà trước khi Luật này có hiệu lực đã có quyết định cho phép ký nhưng chưa ký thì xử lý như sau: (trình lại, nếu có sự thay đổi về thẩm quyền quyết định ký).

4. Đối với các điều ước quốc tế nhiều bên đang tiến hành nhưng chưa hoàn thành thủ tục gia nhập thì xử lý như sau: *...thực hiện theo quy trình, thủ tục của luật này.*

#### **Điều 84. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ..... tháng ..... năm 201..... và thay thế Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế số 14/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.

2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng .... năm 201.....*

**THÔNG TẤN XÃ  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 149 /TTX-VP

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2015

V/v góp ý Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi).

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 6139.....  
ĐẾN Ngày: 05/3/15.  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại Giao

ke,  
-LPet (giam)  
-Be  
-re

Ngày 13/02/2015, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) nhận được Công văn số 477/BNG-LPQT của Bộ Ngoại giao về việc xin ý kiến góp ý đối với Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, TTXVN có ý kiến như sau:

Ph.05/3/15-  
M-

- **Điều 1:** Hiện nay, các điều ước quốc tế về ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ để phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chiếm tỉ lệ không nhỏ trong các điều ước quốc tế của Việt Nam. Vì vậy nội dung này nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật để đảm bảo quyền và nghĩa vụ phát sinh, thay đổi của Việt Nam theo luật pháp quốc tế. Trên tinh thần đó, chúng tôi đề nghị chọn Phương án 2.

- **Điều 19:** Trong Dự thảo Luật, Quốc hội đã giao trách nhiệm thẩm định đề xuất ký điều ước quốc tế cho Bộ Tư pháp (Điều 18), như vậy có thể hiểu rằng Bộ Tư pháp (trực tiếp là Vụ pháp luật quốc tế) là cơ quan duy nhất thực hiện công việc này. Tuy nhiên trong Phương án 2 – Điều 19 có bổ sung quy định “Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là ba bộ”, mà trong Tờ trình của Bộ Ngoại giao lại không thấy giải thích tại sao quy định như vậy. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ để tạo thuận lợi cho việc triển khai Luật.

Trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định điều ước quốc tế do Bộ Tư pháp hoặc cơ quan khác đề xuất nhưng còn nhiều ý kiến khác nhau (Điều 18), thì số lượng hồ sơ thẩm định không nên quy định cứng là 03 bộ như trong Dự thảo mà nên căn cứ vào số lượng cơ quan tham gia Hội đồng thẩm định.

- **Khoản 3, khoản 4 (Điều 28) và khoản 1 (Điều 29):** Chúng tôi đề nghị chọn Phương án 2 vì một số pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) cho đến nay vẫn là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh trong lĩnh vực liên quan, nên những điều ước quốc tế trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH cũng cần phải được Quốc hội phê chuẩn.

- **Điều 62:** Việc giải thích điều ước quốc tế có quy định trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản QPPL của UBTVQH hay những điều ước mà để thực hiện cần sửa đổi, bổ sung... là rất cần thiết nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao về nội dung, giúp cho việc triển khai Luật được đồng bộ, hiệu quả tại tất cả các cấp, ngành. Vì vậy, chúng tôi nhất trí chọn Phương án 2.

Xin gửi các đồng chí để tổng hợp chung./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (THPC) *h*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Hoài Dương*

**Nguyễn Hoài Dương**

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: 214/UBDT-HTQT  
 V/v góp ý đối với dự thảo luật  
 Điều ước quốc tế (sửa đổi).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2015

**BỘ NGOẠI GIAO**

Số: 7848  
**ĐẾN** Ngày: 18/3/15  
 Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Ủy ban Dân tộc nhận được công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Bộ Ngoại Giao về việc xin ý kiến góp ý đối với “dự thảo luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)”. Sau khi nghiên cứu và tập hợp ý kiến của các vụ có liên quan, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

**1. Bộ cục và kết cấu:**

Cơ bản nhất trí với bộ cục và kết cấu.

**2. Nội dung:**

Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí với dự thảo, đề nghị xem xét, sửa đổi và bổ sung những nội dung sau:

- Về điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Luật Điều ước quốc tế quy định về việc ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế, trong đó có điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài. Do đó đối với phạm vi điều chỉnh Luật nên cân nhắc lựa chọn PA2 “Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiều, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế”.

- Về điều 14. Nội dung tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nên hướng dẫn nội dung điều này trong Nghị định của Chính phủ hoặc trong Thông tư hướng dẫn thi hành Luật, đồng thời có Mẫu cụ thể để áp dụng thống nhất, thuận tiện hơn.

- Về điều 19. Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế:

Nhất trí với PA1 trong dự thảo, không nên quy định như trong PA2 là “Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là ba bộ”. Những quy định cụ thể như số lượng, bản sao hay bản gốc của văn bản trong hồ sơ nên đề cập trong văn bản hướng dẫn Luật.

- Đối với một số điều như điều 28, 29, 41 có các phương án khác nhau đề cập đến “luật, nghị quyết của Quốc hội” và “luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh hoặc nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”, đề nghị cân nhắc lựa chọn phương án đề cập đến “luật, nghị quyết của Quốc hội”.

- Điểm a khoản 1 điều 62 của dự thảo Luật nên chọn PA1. Cân nhắc thay đổi cụm từ “tự mình” trong điểm a, điểm b khoản 1 điều 62 bằng cụm từ “tự quyết định”.

Kec,

- Lora (g)

- Kc

u. 18/3/15  
 Mt

Trên đây là ý kiến đóng góp của Ủy ban Dân tộc, trân trọng gửi tới Bộ ngoại giao tổng hợp./.

Nơi nhận: *OK*

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (đề b/c);
- Website UBNDT;
- Lưu: VT, HTQT(2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Hoàng Xuân Lương**

VĂN PHÒNG  
CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 398 /VPCTN-PL

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

V/v góp ý đối với dự thảo Luật  
Điều ước quốc tế (sửa đổi)

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 7472  
ĐẾN Ngày: 16/3/15  
Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Về góp ý đối với dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi) theo Công văn số 447/BNG-LPQT, ngày 13/02/2015 của Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chủ tịch nước một số có ý kiến bước đầu như sau:

**1- Về tên gọi của Luật:**

Nhất trí với tên gọi của dự thảo là Luật điều ước quốc tế, tên gọi này vừa ngắn gọn lại đảm bảo sự bao quát đầy đủ.

**2- Về các nội dung cụ thể:**

+ **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh: đề nghị chọn phương án 2, bởi vì:

(i) Mặc dù điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài là một nhóm điều ước quốc tế đặc thù, nhưng rõ ràng, đây vẫn là điều ước quốc tế, nên cần thiết phải do Luật điều ước quốc tế điều chỉnh về mặt **thủ tục, quy trình** (các vấn đề liên quan đến ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện). Luật quản lý nợ công điều chỉnh những vấn đề liên quan đến **nội dung** quản lý nợ công, trong đó có vấn đề quản lý, sử dụng và giám sát việc sử dụng vốn ODA.

(ii) Việc giữ nguyên phạm vi điều chỉnh (bao gồm ký kết điều ước quốc tế về ODA) trong luật này sẽ tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

(iii) Để hạn chế thủ tục kéo dài, rườm rà, tránh hình thức, đề nghị có một chương riêng trong luật này quy định về quy trình, thủ tục ký kết điều ước quốc tế về ODA. Điều này cũng phù hợp với tính chất của điều ước quốc tế về ODA là điều ước quốc tế đặc thù. Trong Chương này đề nghị quy định cụ thể về thẩm quyền phê duyệt Danh mục tài trợ của Chủ tịch nước đối với các trường hợp vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại nhân danh Nhà nước. Đặc biệt là trong bối cảnh Luật quản lý nợ công (2009) chưa được sửa đổi, bổ sung, thì những bất cập trong việc quản lý, sử dụng, giám sát vốn vay ODA có thể được quy định cụ thể ngay trong chương về điều ước quốc tế về ODA để phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và yêu cầu cấp bách về việc tăng cường quản lý, giám sát nợ công hiện nay.

+ **Điều 4:** Danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế;

- Điểm c, khoản 1: đề nghị làm rõ cụm từ "trực tiếp điều chỉnh" vì không đúng với Hiến pháp. Nên chăng ở điểm này quy định như Hiến pháp, còn bổ sung vào phần giải thích từ ngữ về điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là những điều ước như thế nào cho rõ.

- Đề nghị không nên bỏ điều ước về tương trợ tư pháp ra khỏi những điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

- Điểm b khoản 2: đề nghị xem lại có mâu thuẫn với điểm c khoản 1 không? vì nếu những điều ước quốc tế "trực tiếp điều chỉnh" về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là điều ước nhân danh Nhà nước, thì còn những điều ước quốc tế "gián tiếp điều chỉnh" cũng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thì thuộc loại điều ước quốc tế nào (là điều ước nhân danh Chính phủ, có hợp lý không ?)

**Điều 9:** Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đàm phán điều ước quốc tế

- Khoản 3: đề nghị bổ sung Bộ Tư pháp là cơ quan cần lấy ý kiến vào khoản này, bởi vì: Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp là 02 cơ quan có trách nhiệm kiểm tra và thẩm tra nên cần có ý kiến ngay từ đầu.

**Điều 10:** Thẩm quyền quyết định đàm phán, tổ chức đàm phán điều ước quốc tế

- Khoản 1 và khoản 2: đề nghị cân nhắc lại quy định Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc *bắt đầu* đàm phán, *kết thúc* đàm phán. Việc này chỉ phù hợp với một số điều ước quốc tế đa phương có thời gian đàm phán kéo dài nhiều năm, còn lại không phù hợp với đa số các điều ước quốc tế khác. Đề nghị thiết kế lại cho phù hợp, không nên quy định trường hợp nào cũng như vậy.

**Điều 11:** Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế

- Đề nghị thiết kế lại điểm a khoản 1 và khoản 2 cho rõ.

- Điểm a khoản 1: sau cụm từ cơ quan trình đề nghị bổ sung thêm dấu "," và cụm từ "trong đó".

- Đề nghị xem lại khoản 2, không rõ ý của khoản này muốn quy định gì. Ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan là văn bản cần phải có trong hồ sơ trình đàm phán, sao chỉ có "Trường hợp cơ quan đề xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ..."?

- Đề nghị rà soát lại việc dùng cụm từ "Trong trường hợp... " ở nhiều Điều khoản cho phù hợp và rõ ý hơn.

**Điều 12:** Trách nhiệm của cơ quan đề xuất ký điều ước quốc tế

- Đề nghị bỏ cụm từ "đàm phán" tại khoản 3 Điều này

**Điều 13:** Thẩm quyền, nội dung quyết định ký điều ước quốc tế

- Đề nghị bỏ cụm từ "ngôn ngữ" tại điểm a khoản 4 vì đã có quy định về ngôn ngữ điều ước quốc tế tại Điều 6 rồi



**Điều 19:** Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế

- Không nên quy định như phương án 2: việc này nên quy định trong văn bản dưới Luật.

**Điều 23:** Ký điều ước quốc tế

- Khoản 1: đề nghị làm rõ quy định "...hoàn thành thủ tục ký và văn bản điều ước quốc tế" là như thế nào?

**Điều 27.** Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế

- Đề nghị thiết kế lại khoản 2 cho rõ và phù hợp logic với khoản 1. Có thể quy định như sau: "2. Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với những điều ước quốc tế do Quốc hội quyết định phê chuẩn. Văn phòng Chủ tịch nước....thẩm tra".

**Điều 28:** Các loại điều ước quốc tế phải được phê chuẩn

- Khoản 3 (PA1): đề nghị cân nhắc thêm cụm từ "trực tiếp điều chỉnh".

**Điều 29:** Thẩm quyền, nội dung quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế

- Khoản 1: đề nghị thay đoạn từ "liên quan đến....Nghị quyết của Quốc hội" bằng cụm từ "quy định tại khoản 3 Điều 28" để tránh lặp lại.

- Khoản 2: đề nghị bổ sung cụm từ "khoản 1, khoản 2" vào trước cụm từ "Điều 28" và sửa khoản 1 thành khoản 3, Điều này thành Điều 28 ở cuối khoản.

**Điều 30, 31:** Phạm vi thẩm tra điều ước quốc tế, Thẩm quyền thẩm tra điều ước quốc tế

- Đề nghị gộp vào Điều 30 và lấy tên Điều là Thẩm tra điều ước quốc tế.

Điều này có thể thiết kế lại như sau:

*"Điều 30. Thẩm tra điều ước quốc tế*

*1. Điều ước quốc tế trình Quốc hội quyết định phê chuẩn phải được thẩm tra theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 32 về các nội dung sau đây:*

*- Sự cần thiết....*

*2. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội...."*

**Điều 32:** Trình tự, thủ tục thẩm tra điều ước quốc tế

- Khoản 1: đề nghị làm rõ...

**Điều 33:** Hồ sơ đề nghị thẩm tra điều ước quốc tế

- Đề nghị bổ sung thêm Báo cáo thuyết trình của Chính phủ về điều ước quốc tế

**Điều 63:** Thủ tục đối ngoại về cấp Giấy uỷ quyền, Giấy uỷ nhiệm

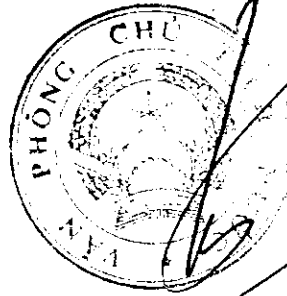
- Khoản 3, đề nghị quy định quyết định uỷ quyền hoặc quyết định uỷ nhiệm phải xác định rõ họ tên, chức vụ của người được uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm. Vì thẩm quyền của Bộ Ngoại giao chỉ cấp Giấy uỷ quyền hoặc Giấy uỷ nhiệm theo đúng quyết định uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm.

Trên đây là một số ý kiến của Văn phòng Chủ tịch nước, trân trọng gửi tới Quý Bộ để tham khảo trong quá trình xây dựng hoàn thiện dự án Luật./.

**KT. CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC  
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ nhiệm VP (để báo cáo);
- Phó CNTT Giang Sơn;
- Vụ ĐN, Vụ TH (để biết);
- Lưu VT, Vụ PL.



**Giang Sơn**

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 539/VPQH-ĐN

V/v đóng góp ý kiến vào dự thảo

Luật điều ước quốc tế sửa đổi

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015.

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 7242

ĐẾN Ngày: 12/3/15

Chuyên:.....

Phúc Công văn số 477/BNG - LPQT ngày 13/02/2015 của Bộ Ngoại giao đề nghị đóng góp ý kiến đối với dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi), Văn phòng Quốc hội về cơ bản nhất trí với nhiều nội dung tại dự thảo Luật và có ý kiến như sau:

1. Về tên gọi của dự án Luật: Văn phòng Quốc hội nhất trí việc sửa đổi tên Luật từ “Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế” thành “Luật Điều ước quốc tế” để Luật mang tính khái quát cao hơn. Hơn nữa, tên gọi của Luật hiện hành cũng chưa bao quát hết phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm ký kết, gia nhập, bảo lưu, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế.

2. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật: Văn phòng Quốc hội nhất trí việc thể hiện phạm vi điều chỉnh của Luật như thể hiện tại Phương án 1 Điều 1. Các điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức và vay nước ngoài là nhóm điều ước quốc tế đặc thù, thường theo mẫu chung đối với mỗi nhà tài trợ nhất định, phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội cụ thể. Quy trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế theo quy định tại Luật điều ước quốc tế hiện hành chưa đồng bộ với quy trình phê duyệt các dự án viện trợ phát triển. Do đó, quy trình ký kết điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài nên được quy định tại văn bản luật chuyên ngành (như Luật quản lý nợ công).

3. Về định nghĩa “điều ước quốc tế”: Văn phòng Quốc hội nhất trí việc sửa đổi quy định về điều ước quốc tế tại Khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật theo hướng phù hợp với quy định của Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế năm 1969. Quy định như vậy phù hợp với pháp luật quốc tế và giải quyết được tình trạng các văn bản thỏa thuận (với tên gọi khác nhau) được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ, không phải là điều ước quốc tế theo quy định của pháp luật quốc tế nhưng vẫn phải thực hiện theo quy định của Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế như trước đây.

4. Về việc cụ thể hóa thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế theo quy định tại Khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2013: Văn phòng Quốc hội cho rằng dự thảo Luật đã cụ thể hóa bước đầu quy định tại Khoản 14 Điều 70 Hiến pháp. Tuy

Kc.

- A.X.S.L.

- LPQT (9/15)

- VP

- T.T.C.T.

- K.C.

10, 13/3/15  
K.C.

nhiên, đề nghị Ban soạn thảo tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về: (i) các loại điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thuộc thẩm quyền phê chuẩn, quyết định gia nhập Luật hiện nay (Điều 4, Khoản 3 Điều 28) thì cần giải thích khái niệm “điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong dự thảo Luật và (ii) cụ thể hóa quy định điều ước quốc tế liên quan đến “tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng”. Việc cụ thể hóa các quy định này là cơ sở quan trọng trong việc xác định rõ các loại điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội, cũng như xác định rõ thẩm quyền của Chủ tịch nước trong việc trình Quốc hội phê chuẩn các điều ước quốc tế này.

5. Về việc phê chuẩn điều ước quốc tế (Phương án 2 tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 29, mục c Khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật) liên quan đến việc phê chuẩn điều ước quốc tế có quy định trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc quy định này vì Hiến pháp năm 2013 (Khoản 14, Điều 70) không quy định đây là loại điều ước quốc tế không thuộc thẩm quyền phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của Quốc hội.

Trên đây là ý kiến đóng góp bước đầu của Văn phòng Quốc hội đối với dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi), Văn phòng Quốc hội xin trân trọng gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp.

**KT. CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Nguyễn Hữu Toàn**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
  - CN VPQH 'đề báo cáo';
  - Các đ/c PCN VPQH;
- Epas: 14707

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 450/KHXH-HTQT  
V/v: góp ý Dự thảo Luật ĐƯQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Bộ Ngoại giao  
(Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế)

Phúc công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Bộ Ngoại giao về góp ý đối với Dự thảo 4 Luật Điều ước quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có ý kiến như sau:

***Về hình thức***

- Kết cấu Dự thảo với Chương II “Ký kết điều ước quốc tế” cũng như việc giải thích cụm từ “Ký kết” trong khi vấn đề gia nhập, bảo lưu điều ước quốc tế được tách bạch như một công tác chuyên biệt không tương thích với cách hiểu và ghi nhận trong Công ước viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969 mà Việt Nam là thành viên;
- Chương IX “Trình tự, thủ tục rút gọn” với các nội dung điều chỉnh bao gồm trình tự thủ tục rút gọn trong việc đàm phán, ký; sửa đổi bổ sung; gia hạn và chấm dứt hiệu lực điều ước, nên chuyển lên thành Chương VI vì toàn bộ những vấn đề liên quan theo trình tự thủ tục thông thường nằm trong các chương từ I đến V. Việc áp dụng trình tự rút gọn không làm thay đổi các công tác khác liên quan đến điều ước quốc tế áp dụng theo thủ tục này được ghi nhận tại các chương tiếp theo của Dự thảo.

***Về nội dung***


- Căn cứ Khoản 14 Điều 70 Hiến pháp 2013, đối với Điều 28, 29 và 41 của Dự thảo, nên áp dụng Phương án 1 vì với Phương án 2 Dự thảo sẽ mở rộng phạm vi điều chỉnh so với Hiến pháp 2013;
- Căn cứ Điều 74 Hiến pháp 2013, thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không bao gồm việc giải thích Điều ước như qui định tại Điều 62 của Dự thảo;
- Nội dung qui định tại mục b, c và d Khoản 3 Điều 62 của Dự thảo cần được sửa đổi để rõ ràng và dễ hiểu hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch (để b/c);
- Lưu.VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Đức**

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM  
**TỐI CAO**  
 Số: 990/VKSTC-V8

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

V/v góp ý dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

**Kính gửi:** Bộ Ngoại giao

Phúc đáp Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của Bộ Ngoại giao về việc góp ý Dự thảo lần 4 Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), Viện kiểm sát nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

**1. Về danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế**

Luật Điều ước quốc tế 2005 quy định "điều ước quốc tế về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tương trợ tư pháp" là điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 4 của Dự thảo quy định "điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân" thuộc loại điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, không có nội dung "về tương trợ tư pháp". Việc quy định như vậy có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất về danh nghĩa ký kết đối với loại điều ước này, có quan điểm cho rằng, hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự thuộc loại điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Cách hiểu như vậy là chưa phù hợp vì các hiệp định này không điều chỉnh, tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân mà chỉ quy định về trình tự, thủ tục các hoạt động tương trợ tư pháp. Hơn nữa, quá trình thực hiện quy định của Luật Điều ước quốc tế 2005 cho thấy việc ký kết các hiệp định này nhân danh Nhà nước được thực hiện theo trình tự thủ, tục chặt chẽ, không phát sinh vướng mắc trong thực tiễn. Vì vậy, liên quan đến quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Dự thảo, đề nghị bổ sung 02 nội dung sau:

*Thứ nhất*, bổ sung giải thích vào Điều 2. *Giải thích từ ngữ* theo hướng: Điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là các điều ước quốc tế quy định về cùng một vấn đề với các điều ước quốc tế được Liên Hợp Quốc coi là điều ước quốc tế về quyền con người, điều ước quốc tế nhằm mục đích công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm, làm rõ nội hàm các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quy định nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy và trừng trị các hành vi xâm phạm các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Chương II Hiến pháp năm 2013 (tham khảo Tờ trình số 313/TTr-CP ngày 05/9/2014 của Chính phủ kiến nghị Quốc hội giải thích nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân quy định tại khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2013).

*Thứ hai, tại khoản 1 Điều 4. Danh nghĩa ký kết, gia nhập điều ước quốc tế của Dự thảo, đề nghị bổ sung vào điểm đ về "Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp" để quy định điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước bao gồm cả điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp. Đồng thời, chỉnh lý điểm b khoản 2 Điều này, cụ thể là: "b) Điều ước quốc tế về các lĩnh vực, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này" để loại trừ điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp không thuộc các điều ước được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Chính phủ.*

## ***2. Về thời hạn lấy ý kiến cơ quan hữu quan trước khi đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế***

Dự thảo không quy định thời hạn cho ý kiến của các cơ quan hữu quan đối với hồ sơ xin ý kiến khi đề xuất đàm phán, ký điều ước; trong khi đó, Luật điều ước quốc tế năm 2005 đã có quy định này. Thực tiễn hoạt động ký kết điều ước quốc tế cho thấy việc quy định thời hạn này là cần thiết và hợp lý nhằm xác định thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tránh việc kéo dài, gây ảnh hưởng đến tiến độ của hoạt động đàm phán, ký điều ước quốc tế. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định vào khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 12 Dự thảo theo hướng: *Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề xuất trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến."*

## ***3. Về hồ sơ thẩm định***

Khoản 3 Điều 19 Dự thảo quy định hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm "Bản sao điều ước quốc tế" là chưa chính xác, đề nghị chỉnh lý lại thành "*Dự thảo điều ước quốc tế*" để bảo đảm phù hợp.

## ***4. Về thủ tục rà soát trước khi ký điều ước quốc tế***

Thực tiễn đàm phán cho thấy thông thường việc ký tắt điều ước quốc tế được tiến hành ngay sau khi kết thúc đàm phán. Do đó, Điều 22 Dự thảo quy định trước khi tiến hành ký tắt, ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phải phối hợp với cả cơ quan hữu quan để rà soát sẽ dễ dẫn đến cách hiểu cơ quan đề xuất phải thêm thời gian để tổ chức lấy ý kiến các cơ quan hữu quan là chưa hợp lý trong thủ tục này, vì cơ quan đề xuất đã thực hiện việc lấy ý kiến, kiểm tra, thẩm định và được cấp có thẩm quyền cho phép về nội dung trước khi ký điều ước. Việc rà soát ở giai đoạn này chỉ còn mang tính kỹ thuật, rà soát về ngôn ngữ và thể thức văn bản điều ước quốc tế trước khi ký, vì vậy chỉ nên quy định cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao là đủ. Vì vậy, đề nghị chỉnh lý lại Điều 22 cho phù hợp theo hướng: "*Trước khi tiến hành ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao rà soát, đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản tiếng nước ngoài để bảo đảm chính xác về nội dung và thống nhất về hình thức."*

## ***5. Về gửi văn bản điều ước quốc tế sau khi ký***

Khoản 1 Điều 25 Dự thảo có quy định nội dung "*giấy ủy quyền của phía nước ngoài*" là chưa hợp lý, bởi pháp luật các nước quy định khác nhau về thủ tục đàm phán, ký điều ước quốc tế. Thực tiễn đàm phán cho thấy một số nước không có văn

bản dưới hình thức giấy ủy quyền, do đó, nếu pháp luật của nước ký kết phía bên kia không quy định thủ tục này, thì cơ quan đề xuất không thể yêu cầu họ được. Do vậy, đề nghị bổ sung cụm từ “*nếu có*” thành “*giấy ủy quyền của phía nước ngoài, nếu có*” để bảo đảm phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, đề nghị loại bỏ quy định về giấy ủy quyền đàm phán của nước ngoài trong lưu trữ điều ước quốc tế tại Điều 55 Dự thảo để bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa các điều luật.

#### **6. Về trình tự, thủ tục rút gọn (Chương IX)**

Đây là những quy định mới, mang tính cải cách nhằm giải quyết những vấn đề của thực tiễn, tạo cơ chế giúp cho việc triển khai hoạt động ký kết điều ước quốc tế được tiến hành và đạt kết quả trong thời gian ngắn đối với một số trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, đề nghị quy định rõ và cụ thể các trường hợp đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với các điều ước quốc tế mà: có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực; theo mẫu với cùng một bên nước ngoài; trước khi đàm phán, cơ quan đề xuất đã xác định được nội dung và tập hợp được đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 71. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thêm trường hợp cũng được áp dụng đàm phán, ký theo thủ tục rút gọn, đó là: “*Điều ước quốc tế đàm phán theo mẫu của phía Việt Nam và được sử dụng nhiều lần để đàm phán với nhiều bên nước ngoài khác nhau.*” tại khoản 1 Điều 71, thực tiễn đàm phán cho thấy mẫu điều ước quốc tế của Việt Nam được sử dụng ổn định khi đàm phán với các nước khác nhau, đã được các cơ quan có thẩm quyền góp ý, kiểm tra, thẩm định qua các lần đề xuất đàm phán, do vậy có thể áp dụng theo thủ tục rút gọn, và trong trường hợp này, cơ quan đề xuất đàm phán chỉ cần lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao là đủ. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, quy định rõ trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 71 để bảo đảm việc áp dụng được rõ ràng, thuận lợi.

#### **7. Về quy định giải thích điều ước**

Khoản 1 Điều 62 Dự thảo quy định các cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thích điều ước quốc tế, đồng thời điểm c khoản 4 Điều này đề cập chủ thể đề nghị giải thích (cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan của Việt Nam); tuy nhiên, Dự thảo chưa quy định rõ mối quan hệ giữa các chủ thể trong việc đề nghị giải thích và quyết định giải thích điều ước quốc tế. Do đó, cần quy định rõ và cụ thể mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thích điều ước quốc tế và các chủ thể có quyền đề nghị giải thích và trình tự, thủ tục đề xuất giải thích để bảo đảm thuận lợi khi thi hành trong thực tiễn.

#### **8. Về thủ tục thông báo (các Điều 65, 67 và 68)**

Theo quy định và thông lệ hiện hành, các thủ tục đối ngoại về bảo lưu; thông báo đối ngoại về sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, chủ yếu do Bộ Ngoại giao thực hiện. Do vậy, đề nghị chỉnh lý quy định tại các điều này, theo hướng xác định rõ trách nhiệm của Bộ Ngoại giao là *chủ trì*, phối hợp với cơ quan đề xuất thông báo trong việc thực hiện các thủ tục này để bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.



### 9. Một số vấn đề khác

Ngoài những vấn đề nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị quy định rõ và cụ thể hơn trong Dự thảo về những nội dung như: “tác động không đáng kể đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của Việt Nam” (khoản 1 Điều 72); “thuần túy mang tính chất kỹ thuật” (khoản 1 Điều 73); “phương án kết thúc đàm phán” (Điều 11) vì thực tiễn đàm phán ký điều ước quốc tế không phát sinh những vấn đề này... để bảo đảm tính khả thi và thuận lợi khi Luật được ban hành.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về Dự thảo Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi), trân trọng kính gửi Bộ Ngoại giao./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để b/c);
- Lưu VP, VKH.



Số: **0366** /PTM-PC

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2015

V/v: Góp ý Dự thảo 4 Luật Điều ước Quốc tế

### **Kính gửi: Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao**

Trả lời Công văn số 477/BNG-LPQT ngày 13/2/2015 của Quý Cơ quan về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo 4 Luật Điều ước quốc tế sửa đổi (sau đây gọi là Dự thảo), trên cơ sở nghiên cứu của chuyên gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) có ý kiến như sau:

Về cơ bản VCCI đồng tình với các đề xuất điều chỉnh như trong Dự thảo trừ một số vấn đề sau đây:

#### **1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1 Dự thảo)**

Dự thảo hiện nêu 02 phương án về phạm vi điều chỉnh, theo đó phương án 2 giữ nguyên như Luật hiện hành, phương án 1 loại trừ “điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức hoặc vay nước ngoài”.

Trên thực tế, một trong những hạn chế của Luật hiện hành là phạm vi điều chỉnh bao gồm nhiều loại điều ước quốc tế có tính chất và diện tác động có khi là hoàn toàn khác nhau, nhưng lại áp dụng cùng một cơ chế, từ đó dẫn tới những vướng mắc trong áp dụng, đặc biệt đối với nhóm điều ước quốc tế về viện trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vay nước ngoài (do nhóm này có đặc thù là chỉ liên quan trực tiếp tới một khoản viện trợ/vay cụ thể, có đối tượng tiếp nhận, nội dung sử dụng, thời gian giải ngân và điều khoản trả...cụ thể và ở diện rất hẹp so với các điều ước quốc tế khác).

Do đó, phương án 1 là phù hợp hơn, cho phép giải quyết được vướng mắc này.

Tuy nhiên, cần chú ý rằng từ góc độ thực tiễn, việc Luật này loại trừ nhóm điều ước quốc tế về viện trợ phát triển và vay nước ngoài mà chưa có cơ chế nào sẵn sàng để áp dụng cho nhóm điều ước này sẽ tạo ra một khoảng trống pháp lý nhiều rườ ròi.

#### **2. Về các loại điều ước quốc tế (Điều 4 Dự thảo)**

Điều 4 Dự thảo phân các loại điều ước thành 02 nhóm: điều ước nhân danh Nhà nước và điều ước nhân danh Chính phủ. Tiêu chí để phân loại bao gồm (i) chủ thể ký (Chủ tịch nước) (ii) nội dung điều ước quốc tế và (iii) theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

Ngoài tiêu chí về nội dung là đã khá rõ ràng, 02 tiêu chí còn lại (chủ thể ký và thỏa thuận với bên kia) cũng như mối quan hệ giữa các tiêu chí có thể sẽ gây vướng mắc trong thực tiễn, ví dụ:

- Không rõ khi nào thì Chủ tịch nước được ký kết điều ước quốc tế (hay Chủ tịch nước có thể ký bất kỳ điều ước quốc tế nào, và cứ điều ước quốc tế nào

được Chủ tịch nước ký thì đều được xem là điều ước quốc tế ký nhân danh Nhà nước?)?

- Không rõ khi nào thì Việt Nam có thể thỏa thuận với bên ký nước ngoài về loại điều ước quốc tế mà hai bên cùng ký kết?
- Trường hợp điều ước quốc tế do Chủ tịch nước ký nhưng có nội dung liên quan tới các chủ đề thuộc khoản 2 Điều 4 thì thuộc loại nào?
- Trường hợp điều ước quốc tế Việt Nam và đối tác đã thỏa thuận coi là điều ước nhân danh Nhà nước nhưng lại có nội dung liên quan tới các chủ đề thuộc khoản 2 Điều 4 hoặc ngược lại thì sẽ ưu tiên tiêu chí nào?

Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất và rõ ràng trong thực tiễn áp dụng, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ:

- Chủ tịch nước được ký điều ước quốc tế trong những trường hợp nào?
- Trường hợp nào thì Việt Nam được phép thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài về việc xác định loại của điều ước quốc tế?
- Thứ tự ưu tiên giữa các tiêu chí phân loại điều ước (nội dung-chủ thể ký-thỏa thuận?).

### **3. Về việc chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế (Điều 5)**

Điều 5 Dự thảo quy định về các trường hợp (hành vi) thể hiện sự “chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế” của Việt Nam.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp mặc dù Việt Nam đã có những hành vi như liệt kê nhưng chỉ thực sự bị ràng buộc bởi điều ước quốc tế khi bên kia hoặc các bên khác của điều ước quốc tế cũng thực hiện hành vi tương tự.

Do đó, đề nghị Ban soạn thảo

- Cân nhắc điều chỉnh lại quy định này như sau “*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Việt Nam chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế...*”.
- Để đảm bảo tính chính xác, ở mỗi hành vi từ khoản 2 tới khoản 5 đều cần nêu điều kiện (tương tự như cách nêu tại khoản 1 hiện tại).

### **4. Về quan hệ giữa điều ước quốc tế và pháp luật nội địa (Điều 7)**

Điều 7 Dự thảo thực chất là sửa lại Điều 6 của Luật hiện hành, theo đó bỏ đi khoản 3 của Điều 6 (vốn là điều khoản gây ra cản trở cho việc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế ở Việt Nam). Nói cách khác, với việc chỉ còn lại khoản 1 Điều 7, việc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế sẽ được thực hiện trong mọi trường hợp bất kỳ khi nào có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

Cách tiếp cận này là rất thoáng, thể hiện thiện chí ở mức độ cao nhất của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế. Đối với các đối tác ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam thì đây là một điều rất đáng hoan nghênh, bởi họ có thể yên

tâm rằng các cam kết mà Việt Nam ký với họ sẽ lập tức có vị trí cao hơn pháp luật nội địa của Việt Nam, bất luận pháp luật Việt Nam đang quy định điều gì.

Tuy nhiên, trên thế giới, không có nhiều quốc gia có cách tiếp cận “đặc biệt cấp tiến” như Việt Nam trong trường hợp này. Trên thực tế, hầu hết các nước (mà đặc biệt là các nước phát triển, có chuyên môn rất giỏi trong lĩnh vực cam kết quốc tế) đã lựa chọn cách tiếp cận ngược lại: không cho phép áp dụng trực tiếp cam kết hoặc chỉ cho phép trong những trường hợp rất hạn chế. Mục tiêu của họ là tạo khoảng cách giữa cam kết và pháp luật nội địa, qua đó tận dụng “khoảng cách” này để thực hiện việc nội luật hóa cam kết theo hướng thích hợp (cơ hội để “giải thích” cam kết theo hướng phù hợp với lợi ích của mình mà vẫn tuân thủ cam kết). Và với những nước này thì cam kết muốn có hiệu lực với cá nhân, tổ chức (không phải Nhà nước) thì phải được nội luật hóa (theo cơ chế dualist, tồn tại song song 2 hệ thống pháp luật nội địa – cam kết quốc tế).

Với năng lực như Việt Nam, việc cho phép áp dụng trực tiếp cam kết quốc tế có lẽ cần rất thận trọng, thậm chí phải thận trọng hơn các nước nói trên nhằm thực hiện các điều ước quốc tế theo hướng có lợi nhất thông qua quá trình nội luật hóa. Và với quan điểm như vậy, VCCI cho rằng cách tiếp cận của Ban soạn thảo trong Dự thảo hồi tháng 1/2015 là tốt hơn.

Cụ thể, đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh lại khoản 1 Điều 7 Dự thảo theo hướng như tại Dự thảo tháng 1/2015: “1. Trong trường hợp điều ước quốc tế có quy định đủ rõ, đủ chi tiết về **quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, cơ quan**, và văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định hoặc có quy định khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.”

## **5. Về sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp**

Liên quan tới việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và công chúng nói chung vào quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, Dự thảo lần này đã thể hiện những bước tiến đáng ghi nhận so với Luật hiện hành thông qua việc đưa “các cơ quan, tổ chức liên quan/hữu quan” vào hầu hết tất cả các bước của quy trình đàm phán, ký kết điều ước.

Mặc dù vậy, điều này có lẽ là chưa đủ để có thể tạo ra một sự thay đổi thực chất trên thực tế hướng tới việc tăng cường tiếng nói và sự tham gia của doanh nghiệp, người dân vào quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế bởi “cơ quan, tổ chức hữu quan/liên quan” có thể được hiểu là chỉ bao gồm các cơ quan Nhà nước liên quan hoặc chỉ cần cơ quan Nhà nước là đủ.

Trên thực tế, trong quy trình xây dựng pháp luật nội địa, tình trạng tương tự cũng đã xảy ra và để giải quyết vấn đề này Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 đã phải quy định rõ, minh thị về việc lấy ý kiến của “nhân dân”, “tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động”.

Ngoài ra, trong khái niệm “công chúng” nói chung, việc lấy ý kiến doanh nghiệp cho các đàm phán, gia nhập điều ước quốc tế có lẽ cần phải được nhấn mạnh bởi:

- Số lượng các điều ước quốc tế có liên quan tới hoạt động thương mại, kinh doanh đang ngày càng gia tăng;
- Doanh nghiệp là nhóm đối tượng chịu tác động tức thời, mạnh từ các cam kết thương mại quốc tế;
- Thực tiễn thế giới cho thấy các điều ước quốc tế về thương mại sẽ hiệu quả hơn nếu có sự tham gia ý kiến sâu của các doanh nghiệp. Ở Việt Nam, nhận thấy sự cần thiết của việc doanh nghiệp tham gia ý kiến vào các đàm phán mở cửa thương mại, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có riêng một Quyết định (Quyết định 06/2012/QĐ-TTg) để nêu cơ chế về việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp cho quá trình đàm phán.
- Ngay trong pháp luật nội địa, Nghị định 24/2009/NĐ-CP cũng dành một điều khoản riêng về việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật nội địa có liên quan tới doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc:

- Sửa các cụm từ “cơ quan, tổ chức liên quan/hữu quan” trong Dự thảo thành “Cơ quan liên quan và các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động”;
- Bổ sung 01 Điều khái quát nêu nguyên tắc về việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp đối với các điều ước quốc tế về thương mại, ví dụ:

“Điều ...

*Đối với các nội dung đàm phán điều ước quốc tế liên quan đến kinh tế - thương mại, Cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật này có trách nhiệm cộng đồng doanh nghiệp”.*

## 6. Về các trường hợp có hai phương án lựa chọn trong Dự thảo

Đối với các trường hợp Dự thảo đề 02 Phương án lựa chọn (Điều 28, 29, 41): VCCI ủng hộ phương án 2.

Lý do là về mặt pháp lý cũng như nội dung thì pháp lệnh, nghị quyết của UBND tỉnh có giá trị áp dụng tương đương Luật (và thường thì lĩnh vực nào không có Luật mới có Pháp lệnh).

Trên đây là một số ý kiến sơ bộ của VCCI đối với Dự thảo 4 Luật điều ước quốc tế sửa đổi. Rất mong Quý Cơ quan cân nhắc điều chỉnh để hoàn thiện Dự thảo.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, PC

TL. CHỦ TỊCH  
 KẾ TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ  
 PHÓ TRƯỞNG BAN  
 PHÒNG  
 THƯƠNG MẠI  
 VÀ CÔNG NGHIỆP  
 VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Trang